

1. SONG YẾU - YAMAKA⁽¹⁾ VAGGA



Làm ác gặp dữ

1. Manopubbaṅgamā dhammā² - mano setthā manomayā. Manasā ce paduṭṭhena - bhāsati vā karoti vā. Tato naṃ dukkhamanveti - cakkamvā vahato padam.

1. Tâm dẫn đầu các tâm sở (bất thiện)³. Tâm là chủ. Tâm tạo tất cả (các tâm sở bất thiện). Nếu nói hay làm với tâm ác, do đó, đau khổ sẽ theo liền với ta như bánh xe lăn theo dấu chơn con bò (kéo xe). **1.**

Tích chuyện

Một người đứng tuổi có tâm đạo nhiệt thành, tên *Cakkhupāla*, xuất gia theo Đức Phật và tận lực chuyên cần tu niệm. Nếp sống kiên trì cố gắng sớm đưa vị Tỷ-khuru chơn chánh ấy đến đạo quả A-La-Hán⁴, từng thánh cùng tột. Nhưng không may, Ngài bị mù hai mắt.

Ngày kia, khi đi kinh hành, Ngài vô tình làm chết nhiều côn trùng. Vài vị Tỷ-khuru ở nơi khác đến viếng, thấy có dấu máu trên đường kinh hành, mách với Đức Phật rằng Ngài đã phạm giới sát sanh. Đức Phật giải thích rằng Đại đức *Cakkhupāla* đã đắc quả A-La-Hán, không cố ý mà chỉ vô tình làm chết những côn trùng ấy.

Lúc bấy giờ các vị Tỷ-khuru muốn biết tại sao Đại đức *Cakkhupāla* lại phải bị mù.

Đức Phật thuật rằng trong một kiếp sống trước kia, làm lương y, chính Đại đức *Cakkhupāla* có chữa bệnh đau mắt cho một thiếu phụ nghèo. Bà hứa đến lúc khỏi bệnh, bà và con gái bà sẽ về làm công trong nhà ông lương y. Thuốc quả thật công hiệu, nhưng bà không giữ lời hứa, viện lẽ

rằng mắt bà còn tệ hơn trước. Vì lương y ác độc liền nảy sanh một ý tưởng tội lỗi. Để trả thù, ông cho thiếu phụ nghèo một thứ thuốc làm mù luôn cả hai mắt. Do nghiệp ác trong quá khứ, tuy vị Tỳ-khuru đã đắc quả A-La-Hán, vẫn phải mang tật mù.

Đây là phương diện nhân quả tương xứng (gieo giống nào thì gặt giống nấy) của định luật Nghiệp báo. Còn một phương diện nữa là quả trở liên tục (như một nhà bác học, thâm thập kiến thức trong đời sống, đến lúc chết và tái sanh, những kiến thức ấy là nhân sanh quả trong kiếp sống mới).

Một vị A-La-Hán, dầu đã thanh lọc mọi ô nhiễm, vẫn còn phải gặt hái những quả mà chính Ngài đã gieo trong quá khứ xa xôi.

Chư Phật và chư vị A-La-Hán không còn tạo nghiệp mới vì các Ngài đã tận diệt mọi căn cội - vô minh và ái dục - nhưng, cũng như tất cả chúng sanh khác, các Ngài không thể tránh khỏi hậu quả dĩ nhiên của những hành động, tốt và xấu, của chính các Ngài trong quá khứ.

Chú thích

1. *Yamaka* - có nghĩa là một cặp, một đôi. Chương, hay phẩm (*Vagga*), này gọi là *Yamaka* vì gồm mười cặp những câu song song.

2. *Dhamma* - là một danh từ có rất nhiều ý nghĩa, thường được dịch là Pháp. Trong hai câu Pháp cú đầu tiên này, *dhamma* có nghĩa là nghiệp (*kamma* hay *karma*), tức là tác ý (*cetanā*) và những tâm sở khác cùng nằm chung trong một loại tâm nào đó, thiện hay bất thiện. Như trường hợp câu đầu thì *dhamma* là những tâm sở (*cetasika*) xấu, bất thiện. Nếu không có tâm hay thức tức nhiên các tâm sở ấy

không thể phát sanh. Do đó tâm là cái đến trước, tâm dẫn đầu tất cả những tâm sở thiện và bất thiện. Trong các tâm sở, (*cetanā*) hay tác ý là quan trọng hơn hết. Chính tác ý (*cetanā*) tạo nghiệp bởi vì, như Đức Phật dạy: "Nhu Lai tuyên bố, chính tác ý là Nghiệp".

Tâm dẫn đầu mọi hành động và tác dụng như thành phần chánh yếu trong khi tác hành, cũng như trong khi quyết định hoạt động. Chính tâm điều khiển và tạo tác hành động, bằng Thân, Khẩu, hay Ý.

Trong cặp song yếu này Đức Phật nhấn mạnh vào vai trò rất quan trọng của tâm trong đời sống con người, và từ đó, Đức Phật giải thích bằng cách nào hành động có thể trở nên tốt hay xấu, thiện hay bất thiện, tùy theo trạng thái tâm. Cuối cùng Ngài nhắc đến những hậu quả dĩ nhiên phải có của những hành động tương tự và nêu lên hai thí dụ điển hình.

3. "Sự vật đi theo tâm" - Bà Rhys Davids. "Bản chất (tinh thần) là kết quả của những gì ta tư tưởng" - Radhakrishnan. "Chúng ta như thế nào, tất cả đều là hậu quả của những gì chúng ta tư tưởng" - Irving Babbitt.

4. A-La-Hán - *Arahat*, đúng theo nghĩa nguyên nguyên của danh từ, là Ứng Cúng, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường, hay bậc hoàn toàn Trong Sạch, vì đã tận diệt mọi khát vọng. Bậc A-La-Hán không còn tích trữ nghiệp mới vì đã diệt trừ trọn vẹn Tham, Sân, Si. Ngài đã chấm dứt cả sanh lẫn tử. Ngài còn có thể gặt hái quả lành hay dữ của nghiệp đã tạo trong quá khứ cho đến hết kiếp sống cuối cùng.



Hành thiện gặp lành

2. Manopubbaṅgamā dhammā¹ manoseṭṭhā manomyā. Manasā ce pasannena bhāsati vā karoti vā. Tato namā sukḥamanveti - chāyā'va anapāyini.

2. Tâm dẫn đầu các tâm sở (thiện). Tâm là chủ. Tâm tạo tất cả (các tâm sở thiện). Nếu nói hay làm với tâm trong sạch, do đó, hạnh phúc sẽ theo liền với ta như bóng không bao giờ rời (hình)².

2.

Tích chuyện

Maṭṭakundali là con trai duy nhứt của một nhà triệu phú keo kiệt. Hôm nọ chàng lâm trọng bệnh và sắp chết đến nơi vì ông cha triệu phú của chàng không nỡ tiêu xài món tiền để rước lương y điều trị. Với thiên nhãn, Đức Phật nhận thấy cảnh trạng đau thương của chàng trai đang hấp hối và xuất hiện trước chàng. Người thanh niên lấy làm hoan hỉ được chính mắt chiêm ngưỡng dung nhan Đức Phật và trút hơi trở cuối cùng với tâm trong sạch, đầy niềm tin tưởng nơi Ngài. Chàng tái sanh vào cảnh Trời.

Chú thích

1. Riêng trong câu này danh từ *dhamma* hàm ý nghĩa nghiệp tốt (hành động thiện).

2. Đức Phật truyền dạy hai câu song yếu này trong hai trường hợp khác nhau để chỉ rõ hậu quả dĩ nhiên phải có của những hành động, tốt cũng như xấu.

Con người gặt hái những gì đã gieo trong quá khứ hay đang gieo trong hiện tại. Cái mà con người đang gieo bây giờ, con người phải gặt hái, hoặc ngay trong hiện tại hoặc một lúc nào trong vị lai, vào một cơ hội thích ứng. Chính con người lãnh lấy trách nhiệm tạo cho mình hạnh phúc hay khổn cùng. Con người tạo cho mình thiên đàng hay

địa ngục. Con người xây dựng số phận cho chính mình. Cái mà con người làm ra, hợp lại, con người có thể phá tan, tháo mở ra được.

Phật giáo giảng dạy trách nhiệm của mỗi người đối với chính mình, và tánh cách dĩ nhiên phải có, không thể lẫn tránh, của định luật nhân quả.

Ta gặt hái tương xứng với cái gì mà ta đã gieo. Nhưng không bắt buộc phải gặt hết tất cả hậu quả của những gì đã gieo. Nếu phải gặt hái tất cả ắt không thể có giải thoát.



Trả thù báo oán, không dẫn đến an tịnh

3. *Akkocchi mañ avadhi mañ ajini mañ ahāsi me. Ye ca tañ upanayhanti verañ tesañ na sammati*

3. "Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt của tôi", lòng sân hận không nguôi trong tâm của người còn ôm ấp những ý tưởng tương tự. 3.

4. *Akkocchi mañ avadhi mañ ajini mañ ahāsi me. Ye tañ nupanayhanti verañ tesūpasammati*

4. "Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt của tôi", lòng sân sẽ nguôi ngoai trong tâm của người không ôm ấp những ý tưởng tương tự. 4.

Tích chuyện

Đại đức *Tissa* ý mình là em họ Đức Phật nên không tôn trọng các vị sư cao hạ khác. Khi các vị này chỉ dạy để sửa sai hạnh kiếm làm lạc ấy thì Đại đức *Tissa* cảm thấy tự ái bị tổn thương, đến than phiền với Đức Phật. Đức Phật biết rõ mọi chuyện, khuyên nhủ Đại đức *Tissa* nên sám hối, nhưng Đại đức *Tissa* không nghe. Lúc bấy giờ Đức Phật thuật một câu chuyện nhắc lại rằng trong tiền kiếp có lần Đại đức *Tissa* đã hành động tương tự. Về sau Đại đức

Tissa chịu nghe lời dạy của Đức Phật, đến xin sám hối với các vị sư cao hạ.

Chú thích

Đức Phật hằng khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán mà phải hành pháp nhẫn nại, luôn luôn, trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác, mặc dầu trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Trong quyển Pháp Cú này có nhiều trường hợp cho thấy rằng Đức Phật luôn luôn hành pháp nhẫn nại, dầu lắm khi Ngài cũng bị chỉ trích thậm tệ, bị chưởi mắng và bị tấn công. Nhẫn nại không bao giờ là dấu hiệu của sự ương hèn yếu kém, hay chủ bại, đầu hàng, mà trái lại là sức mạnh bất khuất của con người tự chủ.



Tình thương chinh phục được lòng sân hận

5. *Na hi verena verāni - sammantidha kudācanaṃ. Averaṇa ca sammanti - esa dhammo sanantano.*

5. Trên thế gian này, sân hận không bao giờ dập tắt sân hận. Duy có tình thương ¹ mới diệt tâm sân. Đó là định luật trường cửu ².

5.

Tích chuyện

Người kia có hai vợ. Một có con và một không. Bà không con đem lòng ganh tỵ, trộn thuốc độc vào thức ăn của bà kia, hại bà này hai lần hư thai. Đến lần thứ ba, thuốc độc làm cho bà đang có mang cùng chết với đứa bé trong lòng và với tâm cương quyết báo oán cho cả hai mẹ con. Rồi bà thực hành ý định. Bà nọ, bị trả thù, cũng quyết tâm trả lại thù. Và như thế ấy thù oán trả qua trả lại, hết bà này đến bà kia, qua lại trong hai kiếp sống liên tục. Tuy nhiên, đến

kiếp tái sanh thứ ba, cơ hội đưa đây hai bà cùng đến gặp Đức Phật và sau đó nhờ Ngài khuyên giải, chấm dứt hận thù.

Chú thích

1. Tình thương - *avera*, đúng nghĩa của danh từ, là không sân hận. Ở đây, danh từ *avera* chỉ đức tánh trái nghịch với tâm sân, tức tâm Từ (*Mettā*).
2. Định luật trường cửu - *sanantana*, một nguyên tắc thời xưa mà Đức Phật và hàng môn đệ của Ngài cùng theo. (Chú giải).



Tư tưởng chơn chánh chấm dứt những mối bất hòa

6. *Pare ca na vijānanti - mayamettha yamāse. Ye ca tattha vijānanti - tato sammanti medhagā.*

6. Người khác¹ nào biết rằng trong cuộc tranh luận này ta sẽ chết². Những ai nhận định được điều ấy sẽ, nhờ đó, làm êm dịu cuộc tranh luận của mình.³ **6.**

Tích chuyện

Một câu chuyện xích mích thường tình giữa các thầy Tỷ-khuru đưa đến cuộc tranh chấp bất hạnh. Những nhà sư có tánh gây gổ không chịu nghe lời khuyên giải. Cho đến những lời phân xử của Đức Phật cũng không giảng hòa được các thầy. Sau cùng, Đức Phật bỏ vào rừng, nhập hạ luôn trong ấy. Do áp lực của các thiện tín cư sĩ các thầy phải đi tìm Đức Phật, xin sám hối, và thỉnh Ngài về. Lúc bấy giờ Đức Phật tuyên ngôn lời dạy trên.

Chú thích

1. Người khác - những người có tánh ưa tranh chấp, gây gổ.

2. *Yamāmase* - do căn *yam*, có nghĩa chết, hay tự chế.

3. Có thể phiên dịch phần đầu câu như sau:

- Những người khác không biết rằng ở đây ta phải tự chế.

- "Thế gian không biết rằng tất cả chúng ta đều phải chấm dứt nơi đây". -- Max Muller.

- "Người ta không phân biệt được rằng ở đây chúng ta bị thâu hẹp (giới hạn) trong kiếp sống, trong thời gian". -- Bà Rhys Davids



Người yếu bị sa ngã trước sự cám dỗ người mạnh thì không

7. *Subhānupassim viharantaṃ - indriyesu asaṃvutaṃ. Bhojanamhi amattaññum - kusitaṃ hīnavīriyaṃ. Taṃ ve pasahati māro - vāto rukkhaṃ va dubbalaṃ.*

7. Người hăng suy tưởng đến lạc thú ¹, lục căn không thu thúc, ẩm thực vô độ, đã dươi, dễ dươi, người ấy chắc chắn sẽ bị Ma Vương ² lôi cuốn, không khác nào gió (cuốn) cội cây mềm.

7.

8. *Asubhānupassim viharantaṃ indriyesu susaṃvutaṃ. Bhojanamhi ca mattaññum - saddhaṃ āradhaviīriyaṃ. Taṃ ve nappasahati māro - vāto selaṃ va pabbataṃ.*

8. Người hăng suy niệm về những "uế trước" ³, thu thúc lục căn, ẩm thực độ lượng, niềm tin vững chắc ⁴, kiên trì tinh tấn, người ấy, Ma Vương không hề lôi cuốn, như gió (không thể cuốn) thạch sơn ⁵.

8.

Tích chuyện

Hai anh em xuất gia theo Đức Phật. Anh nhiệt tâm tu hành, em không tin tưởng. Nhà sư trẻ, kém niềm tin, luôn luôn tưởng nhớ đến dục lạc và sa ngã trước sự khuyến dụ của những bà trước kia là vợ thầy. Trái lại, vị Tỳ-khưu lớn tuổi thì kiên trì cố gắng và đắc quả A-La-Hán. Các bà

KINH PHÁP CÚ

trước kia là vợ Ngài hết lòng đưa đẩy Ngài vào trong trụy lạc nhưng đều thất bại.

Chú thích

1. - Suy tưởng đến lạc thú - ham muốn những lạc thú.
2. - Ma Vương - Theo Phật giáo, có năm loại Ma Vương là: Uẩn (*Khandha*), Hành Động thiện và bất thiện (*abhi-sankhāra*), Chết (*Maccu*), Dục Vọng (*Kilesa*) và Trời Ma Vương (*Devaputta*). Ở đây danh từ Ma Vương được dùng theo nghĩa dục vọng.
3. - Uế trược - ba mươi hai ô trược của thể xác, như tóc, lông, móng tay, móng chơn, răng, da v.v... Suy niệm về các ô trược của thể xác là đề mục hành thiền thích ứng để chế ngự lòng tham ái.
4. - Niềm tin - *saddhā*, là niềm tin tưởng nơi Phật (Đạo Sư), Pháp (Giáo huấn) và Tăng (Giáo hội), một niềm tin căn cứ trên sự hiểu biết. Không có đức tin mù quáng trong Phật giáo. Không có sự chấp nhận suông điều gì do đức tin không suy luận.
5. - Hai câu này chỉ để dạy chư vị Tỳ-khuru, những người đã chú nguyện sống đời Phạm hạnh thiêng liêng. Câu đầu, chỉ con đường vật chất, thỏa mãn nhục dục; câu nhì, con đường tinh thần, tự chế, tự kiểm và phạm hạnh. Nên nhận định rằng Phật giáo cung ứng một lối sống cho hàng xuất gia và một lối khác cho người tại gia cư sĩ.



Người trong sạch đáng mặc y vàng (áo cà sa), người ô nhiễm thì không xứng

9. Anikkasāvo kāsavaṃ - yo vatthaṃ paridahissati. Apeto damasaccena - na so kāsavaṃ arahati.

9. Người đắp y vàng¹ mà không hoàn toàn trong sạch, không tự chế, và không chơn thật, thì không xứng mặc y. 9.

10. *Yo ca vantakasāv' assa - silesu susamāhito. Upeto damasaccena - sa ve kāsāvamarahati.*

10. Đã thanh lọc mọi nhiễm ô, giới đức kiên trì, tự chế chặt chẽ và chơn thật, người ấy quả xứng đắp y vàng. 10.

Tích chuyện

Phân đông thiện tín ưng thuận dâng một bộ y quý giá đến Đại đức Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) thay vì dâng đến Đại đức Xá-Lợi-Phất (Sāriputta) vị đại đệ tử của Đức Phật. Một vài thiện tín có tâm đạo, thấy Đề-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) đắp y, lưu ý rằng thầy không xứng đáng được danh dự ấy. Nhơn cơ hội, Đức Phật dạy rằng trong một tiền kiếp thầy đã hành động tương tự và giải thích ai là người xứng đáng khoác lên mình bộ y vàng, tượng trưng cho bậc Thánh văn đệ tử.

Chú thích

1. Y vàng, hay áo cà sa - *Kasāva*, là những bộn nhơ của dục vọng. *Kasāva* cũng có nghĩa là bộ y nhuộm vàng, hay áo càsa, một sắc tướng tượng trưng hạnh từ khước, dứt bỏ, xuất gia. Nhuộm y màu vàng để cho bộ y hết đẹp, không còn giá trị vật chất. Ở đây là một lối chơi chữ. Sắc tướng bên ngoài của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh không có nghĩa lý gì nếu không có sự trong sạch bên trong. Trong một trường hợp khác Đức Phật ghi nhận rằng con người trong sạch chính thật là người ăn dật lý tướng hay Tỳ-khưu (*bhikkhu*), dầu bên ngoài, sắc tướng như thế nào đi nữa. (xem câu 142).



Tri kiến chơn chánh dẫn đến chứng ngộ chơn lý

11. *Asāre sāramatino - Sāre cāsāradassino. Te sāraṃ nādhigacchanti - Micchāsāṅkappagocarā.*

11. Không chánh yếu, tưởng là chánh yếu ¹. Chánh yếu, lại thấy không chánh yếu. Ai duy trì những ý tưởng sai lạc ² (tương tự) không bao giờ nhận thức tinh hoa. 11.

12. *Sāraṇ ca sārato ñatvā - asāraṇica asārato. Te sāraṃ adhigacchanti - sammā saṅkappagocarā.*

12. Điều chánh yếu, xem là chánh yếu. Không chánh yếu, xem là không chánh yếu. Ai bảo tồn ý tưởng chơn chánh ³ (tương tự) sẽ nhận thức tinh hoa. 12.

Tích chuyện

Hai vị Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) và Mục-Kiền-Liên (*Moggallāna*) bạch với Đức Phật rằng hai Ngài không thể thuyết phục được ông thầy của mình trước kia đến gặp Đức Phật và nghe giáo Pháp vì vị này còn quá luyện ái tín đồ. Nhơn cơ hội, Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa những người suy luận chơn chánh và những người suy luận sai lầm và hậu quả dĩ nhiên của mỗi lối suy luận.

Chú thích

1. Chánh yếu *sāra* là cái lõi cây, hay tinh hoa. *Asāra* là những gì không chánh yếu như nhu cầu của đời sống, tà kiến v.v... *Sāra* là những gì chánh yếu như chánh kiến (*sammā diṭṭhi*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*) v.v... Không thể thành tựu được tinh hoa của đời sống thiêng liêng đạo hạnh bằng cách sai lầm xem cái không chánh yếu là chánh yếu. Cái chánh yếu lại coi không chánh yếu.

Trong kinh *Mahā Sāropama Sutta* (*Majjhima Nikāya*, số 29) Đức Phật so sánh lá và cành của cây với lợi lộc và

danh vọng, vỏ cây như giới, thân cây bọc ngoài cái lõi như định, trái cây như năm phép thần thông (*abhiññā*) và lõi cây như đạo quả A-La-Hán.

2. Ý tưởng sai lạc - như tham dục (*kāma*), sân hận hay ác ý (*vyāpāda*), và hung bạo (*vihiṃsā*).

3. Ý tưởng chơn chánh - như xuất gia, từ khước, tức không luyến ái (*nekkhamma*), thiện ý hay tâm Từ (*avyāpāda*), và dịu hiền, tức không hung bạo (*avihiṃsā*).

Những tư tưởng trong sạch này gồm thành chi thứ nhì của Bát Chánh Đạo, chánh tư duy.



**Tham dục đâm thủng tâm người không trau giồi,
nhưng không thể gây tổn hại đến tâm người
thuần thực**

13. *Yathā agāraṃ ducchannaṃ - vutṭhi samativijjhati. Evaṃ abhāvitāṃ cittaṃ - rāgo samativijjhati.*

13. Như nước mưa thấm đột vào căn nhà lợp vụng, đường thể ấy, tham ái thấm nhuần tâm kém thuần thực. 13

14. *Yathā agāraṃ succhannaṃ - vutṭhi na samativijjhati. Evaṃ subhāvitāṃ cittaṃ - rāgo na samativijjhati.*

14. Như nước mưa không thấm đột vào căn nhà khéo lợp, đường thể ấy, tham ái không thấm nhuần tâm phát triển đầy đủ ¹. 14.

Tích chuyện

Hoàng tử Nanda, em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, xuất gia theo Đức Phật ngay trong ngày lễ cưới của ông. Thay vì cố gắng hành thiện, Tỳ-khuru Nanda luôn luôn tưởng nhớ đến bà vợ chưa cưới. Đức Phật dùng một phương pháp hữu hiệu giúp thầy lìa bỏ những tư tưởng tham dục trước kia và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật ví tâm trạng

KINH PHÁP CÚ

tham dục như mái nhà lá lợp không kỹ và trạng thái trong sạch sau này của Ngài Nanda như mái nhà khéo lợp.

Chú thích

1. Tâm phát triển đầy đủ - *Bhāvitam*, đúng nghĩa uyên nguyên của danh từ, là làm cho trở thành, tức là đào luyện bằng thiền định, phương pháp gom tâm an trụ vào một điểm và trở nên an tịnh. Tâm cũng được rèn luyện bằng phương pháp suy niệm, đưa đến tri kiến, thông suốt bản chất thật sự của sự vật, hiểu sự vật như thực, chứng ngộ chơn tướng của sự vật. Mục tiêu cứu cánh của Phật giáo là thành tựu hai tầng tâm phát triển ấy. Thể dục đối với thể xác như thế nào thì công trình hành thiền đối với tâm cũng như thế ấy. Một cái tâm đã thuần thục không còn dễ gì bị dục vọng chế ngự.



Người làm ác chịu đau khổ ở đây và sau đây

15. *Idha socati pecca socati. Pāpakāri ubhayattha socati. So socati so vihaññati disvā kammakiliṭṭham attano.*

15. Ở đây sầu muộn ¹. Sau đây sầu muộn ². Trong cả hai trạng thái người hành ác đều sầu muộn. Sầu muộn, phiền khổ, vì nhận thức tánh cách nhiễm ô của chính hành động mình. **15.**

Tích chuyện

Một người đồ tể, suốt đời sanh sống bằng cách giết heo, phải chịu đau khổ cùng cực trong những ngày cuối cùng của anh. Trước khi lìa trần anh phải lăn lộn trên sàn nhà, kêu la rên siết vô cùng thảm hại, giống như một con heo bị đem ra làm thịt. Chết, anh tái sanh vào khổ hạnh.

Chú thích

1. Trong hiện tại người làm ác đau khổ, về tinh thần, vì ăn năn hối hận những điều xấu xa đã làm.
2. Trong tương lai người làm ác phải gặt hái quả dữ của những hành động xấu.



Người hành thiện có hạnh phúc, ở đây và sau đây

16. *Idha modati pecca modati - katapuñño ubhayattha modati. So modati so pamodati - disvā kammavisuddhamattano.*

16. Ở đây hoan hỷ ¹. Sau đây hoan hỷ ². Trong cả hai trạng thái người hành thiện đều hoan hỷ. Hoan hỷ, vô cùng hoan hỷ, vì nhận thức tính cách trong sạch của chính hành động mình.

16.

Tích chuyển

Một người có tâm đạo nhiệt thành và có đời sống đạo hạnh đang hấp hối trên giường chết, thỏa thích nhìn thấy những cảnh trạng hạnh phúc ³. Sau khi trút hơi thở cuối cùng một cách an vui người ấy tái sinh vào nhân cảnh ⁴.

Chú thích

1. Ở đây hoan hỷ - khi suy niệm về những hành động tốt của mình.
2. Sau đây hoan hỷ - khi gặt hái những quả lành, đáng được ưa thích, của hành động mình trong quá khứ.
3. Theo Phật giáo, kiếp tái sinh sắp tới được quyết định do tiến trình tư tưởng cuối cùng của người sắp lâm chung.
4. Nhân cảnh - người Phật tử không tin rằng quả địa cầu này là cảnh giới duy nhất và loài người là chúng sanh duy nhất. Có nhiều cảnh giới, còn chúng sanh thì vô số kể. Sau khi chết ta có thể tái sinh làm người hoặc vào một trạng

thái cao hơn, cảnh Trời, tùy theo hành động của chính ta. Cái được gọi là chúng sanh, trong kiếp sống kế, không phải hoàn toàn giống như chúng sanh trước (vì đã đổi thay) nhưng cũng không tuyệt đối là khác (vì cả hai đều nằm trong một luồng sống). Phật giáo phủ nhận một chúng sanh trước sau như nút, nhưng xác nhận có một tiến trình trước cũng như sau.



Người làm ác than van ở đây và sau đây

17. *Idha tappati pecca tappati - pāpakāri ubhayattha tappati. Pāpaṃ me katan ti tappati - bhiyyo tappati duggatim gato.*

17. Ở đây đau khổ. Sau đây đau khổ. Trong cả hai trạng thái, người hành ác đều chịu khổ, "Ta đã làm điều ác", (nghĩ như thế) người ấy khổ. Về sau, người ấy còn đau khổ vì phải lâm vào khổ cảnh¹.

17.

Tích chuyện

Đại đức Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) âm mưu sát hại Đức Phật, nhưng thất bại. Đến khi già yếu, thầy ăn năn hối hận và mong muốn được yết kiến Đức Phật. Trong khi người ta khiêng thầy đi thì thầy chết một cách vô cùng thảm hại đau thương.

Chú thích

1. Khổ cảnh - *Duggati*, là một trạng thái đau khổ. *Sugati* là trạng thái hạnh phúc, nhàn cảnh. Kiếp sống trong những trạng thái này chỉ tạm bợ, nhưt thời. Sống trong một thời gian rồi lại chết và tái sanh nữa.



Người sống chơn chánh được hạnh phúc

18. *Idha nandati pecca nandati - katapuñño ubhayattha nandati. Puññaṃ me katan ti nandati - bhiyyo nandati suggaṭṭiṃ gato.*

18. Ở đây hạnh phúc. Sau đây hạnh phúc. Trong cả hai trạng thái người hành thiện đều được hạnh phúc. "Ta đã làm điều thiện" (nghĩ như thế) người ấy có hạnh phúc. Về sau, vào nhân cảnh, người ấy còn hưởng hạnh phúc. **18.**

Tích chuyện

Sumanā là con gái út của ông Cấp Cô Độc (*Anātha-piṇḍika*), vị đại thí chủ thời Đức Phật. Trong giờ lâm chung, cô gọi cha là "em" và chết một cách an lành. Ông cha lấy làm buồn nghe con mình - vốn có tâm đạo nhiệt thành - nói những lời không có ý nghĩa trong giờ phút quan trọng như vậy. Khi ông bạch lại với Đức Phật thì Ngài giải thích rằng sở dĩ cô gái út của ông gọi ông bằng (em) là vì cô đã đắc quả Tư-Đà-Hàm (*Sakadāgāmi*, Nhứt Lai) còn ông thì chỉ đắc quả Tu-Đà-Huàn (*Sotāpatti*, Nhập Lưu).



Học mà không hành thì vô bổ

19. *Bahumpi ce sahitam bhāsamāno - na takkaro hoti naro pamatto. Gopo va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ - na bhāgavā sāmāññaṃ hoti.*

19. Dầu thông suốt Kinh Luật ¹ mà không hành đúng (lời dạy), con người để duôi ấy tựa như mục đồng, đẽm bò của kẻ khác. Người ấy không hưởng được quả vị ² của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh ³. **19.**

20. *Appam pi ce sahitam bhāsamāno - dhammassa hoti anudhamma cāri. Rāgañca dosañca pahāya moham - sammāppajāno suvimuttacitto. Anupādiyāno idha vā huraṃ vā sa bhāgavā sāmāññaṃ hoti.*

20. - Dầu ít thuộc Kinh Luật nhưng hành đúng lời giáo huấn, từ bỏ tham, sân, si, hiểu biết chơn chánh, tâm siêu thoát, không bám vào điều chi ở đây và sau đây. Con người ấy hưởng quả vị của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh. 20.

Tích chuyện

Có hai vị Tỳ-khuru. Một, thông suốt giáo Pháp nhưng còn là phàm tăng. Vị kia, tuy không học nhiều nhưng thực hành đầy đủ và đắc quả A-La-Hán. Vị phàm tăng không thực hành những điều đã học. Vị kia trái lại, tuy biết ít nhưng thực hành trọn vẹn giáo Pháp nên đã chứng ngộ Niết-bàn, thọ hưởng quả vị của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Một hôm vị Tỳ-khuru học rộng muốn gây rối cho vị Thánh Tăng trước mặt Đức Phật, đặt ra nhiều câu hỏi gút mắc. Biết rõ ý định thấp hèn ấy, Đức Phật nêu ra vài câu hỏi có liên quan đến sự chứng ngộ giáo Pháp. Theo kinh nghiệm bản thân, vị A-La-Hán trả lời được tất cả nhưng vị phàm tăng thì không, vì không thành tựu được Thánh Đạo nào. Nhon dịp này, Đức Phật ca ngợi vị A-La-Hán đã thực hành giáo huấn của Ngài, mặc dầu không thông suốt Giáo Pháp bằng vị phàm tăng.

Chú thích

1. Kinh Luật - *Sahitam*: *Saha* + *Hitam*, là cái gì liên quan đến, dính liền, hay kết hợp với điều có lợi ích. Bản chú giải ghi nhận rằng *Sahitam* đồng nghĩa với Tam Tạng Kinh (*Tipiṭaka*, ba cái giỏ) mà Đức Phật đã dạy. Ba Tạng là Tạng Luật (*Vinaya Piṭaka*, giỏ đựng giới Luật), Tạng Kinh (*Sutta Piṭaka*, giỏ đựng Kinh) và Tạng Luận (*Abhidhamma Piṭaka*, giỏ đựng giáo lý cao siêu).

2. Quả vị của đời sống Thiêng Liêng Đạo Hạnh - là bốn tầng thánh: Tu-Đà-Huàn (*Sotāpatti*, Nhập Lưu), Tư-Đà-

Hàm (*Sakadāgāmi*, Nhứt Lai), A-Na-Hàm (*Anāgāmi*, Bất Lai) và A-La-Hán (*Arahanta*, Ứng Cúng).

3. *Sāmaññassa*, đúng nghĩa uyên nguyên, là trạng thái của một vị Tỳ-khưu, hay Sa-môn, tức là đời sống thiêng liêng.

Theo Phật giáo, pháp học sẽ không bỏ ích nếu không thật sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật giáo không phải là một triết học suông mà là con đường Giác ngộ (Giác Đạo) duy nhứt.



2. CHUYỀN NIỆM - APPAMĀDA VAGGA



Kẻ phóng dật chết, người chuyên niệm không chết

*1. Appamādo amatapadam - pamādo maccuno padam.
Appamattā na miyanti - ye pamattā yathā matā.*

1. - Chuyên cần chú niệm¹ là con đường bất diệt². Phóng dật đưa đến diệt vong. Người chuyên niệm không chết³. Kẻ phóng dật cũng như chết. 21.

2. Etaṃ visesato ñatvā - appamādamhi paṇḍitā. Appamāde pamodanti - ariyānaṃ gocare ratā.

2. - Thông suốt minh bạch điều (khác biệt) này⁴, người thiện trí kiên cố nhiếp tâm, hoan hỉ trong tâm niệm vì an lạc trong cảnh giới của bậc Thánh Nhơn⁵. 22.

3. Te jhāyino sātatikā - nīccam daḥhaparakkamā. Phusanti dhirā nibbānaṃ - yogakkhemam anuttaram.

3. Người kiên trì hành thiền⁶ người vững vàng tinh tấn, vượt thoát khỏi trói buộc⁷, thành tựu Niết-bàn tối thượng⁸. 23.

Tích chuyện

Hoàng Hậu *Māgandiyā* có tật ganh tỵ, làm cho một người trong sạch, *Sāmāvatī*, mà bà coi là tình địch, bị thiêu đốt đến chết. Khi vua nghe được câu chuyện đau thương ấy thì bắt *Māgandiyā* phải chịu một cực hình còn tệ hại hơn nữa, cũng cho đến chết. Các vị sư muốn hiểu trong hai bà, ai thật sự chết và ai thật sự còn sống. Đức Phật dạy rằng người sống không thận trọng, không giữ tâm chuyên niệm như *Māgandiyā* phải được xem là đã chết và người có tâm chú niệm như *Sāmāvatī* là sống.

Chú thích

1. Chuyên cần chú niệm - *Appamāda*, là không chao động, không lay chuyển, tức luôn luôn giữ tâm niệm, luôn luôn thận trọng hay biết mình đang làm chuyện gì, luôn luôn cố gắng hành thiện, tạo thiện nghiệp.

Tinh hoa của nền luân lý Phật giáo có thể tóm tắt trong danh từ *appamāda*. Lời dạy cuối cùng của Đức Phật là *appamādena sampādettha* - kiên trì và liên tục cố gắng.

2. Con đường bất diệt - *Amata*, con đường đưa đến trạng thái bất diệt, *Nibbāna* (Niết-bàn), là mục tiêu tối hậu của người Phật tử. Cũng như danh từ có tánh cách tích cực này chỉ rõ, Niết-bàn không phải là tuyệt diệt hay một trạng thái hư vô như có vài người sẵn sàng tin như vậy. Niết-bàn là trạng thái trường tồn bất diệt, siêu thế, mà ngôn từ phạm tục của người tại thế không thể diễn tả được.

3. Không nên hiểu rằng những người này không chết. Không có chúng sanh nào bất tử, chỉ đến chư Phật và chư vị A-La-Hán đi nữa. Ý nghĩa phải hiểu ở đây là người có tâm niệm, người đã chứng ngộ Niết-bàn, sẽ không còn tái sanh lại nữa và như vậy là không chết. Kẻ phóng dật được xem như đã chết vì không có ý muốn làm điều lành, do đó phải chịu sanh tử triền miên.

4. Biết rõ rằng có sự giải thoát cho người chuyên cần chú niệm mà không có cho kẻ phóng dật, dễ duôi.

5. Ở đây danh từ *Ariyas* có nghĩa là những vị hoàn toàn trong sạch như chư Phật và chư vị A-La-Hán. Cảnh giới của bậc Thánh nhơn (*Ariyas*) có nghĩa là ba mươi bảy Bồ đề phần (*Bhodhipakkhiyadhamma*, ba mươi bảy pháp, hay yếu tố dẫn đến sự giác ngộ) và chín trạng thái siêu thế. Xem chú thích câu 44 và câu 115.

6. Ở đây hành thiền bao hàm cả hai nghĩa, định tâm tức chú tâm an trụ vào một điểm (*samatha*) và suy niệm, tức minh sát (*vipassanā*).

7. Vượt thoát khỏi trói buộc - *Yagakkhema*, là thoát ra khỏi bốn trói buộc: ái dục (*kāma*), luyện ái, đeo níu theo sự sanh tồn (*bhava*), tà kiến (*diṭṭhi*), và vô minh (*avijjā*).

8. Niết-bàn - *Nibbāna*, đúng văn tự, *ni + vāna*, là tách rời ra xa ái dục. Niết-bàn, *Nibbāna*, là trạng thái siêu thế có thể thành tựu được trong chính kiếp sống này. Cũng có thể giải thích Niết-bàn là sự dập tắt dục vọng, nhưng không phải là trạng thái hư vô. Niết-bàn là trạng thái hạnh phúc trường cửu, khi thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau, là kết quả của sự dập tắt hoàn toàn mọi dục vọng.

Đứng về phương diện siêu hình, Niết-bàn là dập tắt đau khổ, phiền não. Về phương diện tâm lý, Niết-bàn là diệt trừ tự ngã. Về phương diện luân lý, Niết-bàn là tận diệt Tham, Sân, Si.



Người tinh tấn được sung túc

4. *Uṭṭhānavato satimato - sucikammassa nisammakārino - Saññatassa ca dhammajivino appamattassa yasobhivaḍḍhati.*

4. Vinh hạnh của người tinh tấn, có tâm niệm, hành động trong sạch, thận trọng chuyên chú, tự chế, sanh sống chơn chánh, và không phóng dật, sẽ tăng trưởng vững vàng. 24.

Tích chuyện

Chàng thanh niên kia giàu có nhưng khiêm tốn, sống như một nông phu lam lũ, về sau được vua nâng lên địa vị cao sang, quý trọng. Khi chàng thanh niên ấy được vua giới

thiệt đến Đức Phật thì Đức Phật diễn tả những đặc tánh của người sung túc như trên.



Do cố gắng cá nhân, bậc thiện trí tạo thiên đàng cho chính mình

5. *Uṭṭhānenappamādena - samyamena damena ca. Dīpaṃ kayirātha medhāvi -yaṃ ogho n'ābhikirati.*

5. Do kiên trì tinh tấn, nhiệt tâm, đạo hạnh, và tự chế, người thiện trí tự tạo cho mình một hải đảo mà không cơn lụt nào tràn ngập được.

25.

Tích chuyện

Cūlapanthaka là một tăng sĩ trẻ tuổi không thể học thuộc một câu kinh dài bốn hàng, mặc dầu hết sức cố gắng trọn bốn tháng. Người anh, cũng đã xuất gia, khuyên thầy nên hườn tục. Vị sư trẻ tuổi còn muốn sống đời thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật hiểu được tâm tánh thầy, đưa cho một cái khăn lau tay sạch và dạy thầy mỗi sáng cầm khăn, căng ra trước mặt trời. Khi cầm cái khăn đưa lên như thế với bàn tay có ít nhiều bụi và mồ hôi thì không bao lâu cái khăn trở nên dơ. Sự thay đổi trông thấy ấy làm cho thầy Tỳ-khưu trẻ tuổi suy gẫm về tánh cách vô thường của đời sống. Thầy cố gắng hành thiện và đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1. Một hòn đảo nổi cao trên mặt nước không thể bị ngập lụt mặc dầu những bãi đất thấp chung quanh có thể bị. Một hải đảo như thế có thể là nơi an toàn cho tất cả. Cùng thế ấy, bậc thiện trí trau dồi tuệ minh sát phải tự biến mình thành một hải đảo bằng cách thành tựu đạo quả A-La-Hán, và như vậy thì không còn bị lôi cuốn trong dòng của bốn

loại ngập lụt là ái dục (*kāma*), tà kiến (*ditṭhi*), đeo níu theo sự sanh tồn (*bhava*), và vô minh (*avijjā*).



Hãy chú niệm, không nên phóng dật

6. *Pamādamanuyuñjanti - bālā dummedhino janā.*

Appamādañca medhāvī - dhanam seṭṭham va rakkhati.

6. Kẻ si mê, người cuồng si, dễ dôi phóng dật. Bậc thiện trí canh giữ tâm niệm như kho tàng vĩ đại nhất. 26

7. *Mā pamādamanuyuñjetha - mā kāmaratisanthavarā. Appamatto hi jhāyanto - pappati vipulaṃ sukhaṃ.*

7. Không dễ dôi trong phóng dật. Không đeo níu dục lạc. Đúng thật vậy, người chuyên cần hành thiền gặt hái phước báu dồi dào. 27

Tích chuyện

Ở Ấn Độ, vào một khoảng thời gian nào trong năm, có tập tục cho vài người đùa giỡn, ăn nói với bất luận lời lẽ cộc cằn nào, với bất luận ai, trong bảy ngày. Vào thời kỳ ấy, Đức Phật và các môn đệ Ngài ở lại trong tự viện. Khi thời gian bảy ngày ấy chấm dứt, những vị thiện tín mang vật thực đến chùa lưu ý rằng chắc các Ngài phải trải qua mấy ngày không vui. Đức Phật dạy rằng dầu có hành động cuồng dại như thế nào, bậc thiện trí phải luôn luôn giữ tâm chánh niệm.



Dùng tâm niệm khắc phục phóng dật

8. *Pamādam appamādena - yadā nudati paṇḍito.*

Paññāpāsādamāruya asoko sokiniṃ pajarā. Pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe dhiro bāle avekkhati.

8. Khi dùng tâm niệm đẩy lui phóng dật, người có tri kiến (chơn chánh) thoát khỏi phiền não, vượt lên tận đến đài trí tuệ và nhìn xuống đám người đau khổ như người khéo trèo

núi, lên đến đỉnh tuyệt cao, nhìn trở tại đám vô minh còn ở dưới đất bằng¹. 28.

Tích chuyện

Một lần nọ Đức Ma-Ha Ca-Điếp (*Mahā Kassapa*) cố gắng vận dụng thiên nhãn để tìm hiểu lý do sanh và tử của chúng sanh. Đức Phật xuất hiện trước mặt Ngài và dạy rằng chỉ có một vị Phật mới thông suốt được toàn thể các kiếp sanh tồn.

Chú thích

1. Chư vị A-La-Hán, đã thoát khỏi mọi phiền não, dùng nhãn quan siêu phàm của các Ngài để từ bi nhìn lại đám đông chúng sanh vô minh còn phải chịu sanh tử triền miên, nghĩa là còn ở trong vòng đau khổ.



Người kiên trì cố gắng thẳng kẻ đã dưng không chú tâm

9. *Appamatto pamattesu - suttesu bahujāgaro. Abalassam va sīghasso - hitvā yāti sumedhaso.*

9. Chú niệm giữa đám phóng dật, tỉnh giữa đám mê, bậc thiện trí tiến nhanh như tuần mã truy phong, bỏ lại phía sau con ngựa què già yếu. 29.

Tích chuyện

Hai vị Tỳ-khưu rút vào rừng hành thiền. Một vị kiên trì chuyên chú. Vị kia thì không. Đức Phật ca ngợi vị trước.



Chuyên cần dẫn đến quyền tối thượng

10. *Appamādena maghavā - devānam setṭhataṃ gato. Appamādaṃ paśaṃsanti - pamādo garahito sadā.*

10. Nhờ đức tánh chuyên cần, Maghavā¹ tiến lên đến bậc Thiên Vương¹. Chuyên cần bao giờ cũng được tán dương. Để duôi luôn luôn bị khinh rẻ. 30.

Tích chuyện

Nhờ nỗ lực cá nhân và phục vụ bất cầu lợi một người thường tái sinh làm vua ở một cảnh Trời sau khi chết.

Chú thích

1. *Maghavā* - là một tên khác của vua Trời Đế-Thích. Túc Sanh Truyện *Maghamānavaka* ghi rằng trong quá khứ xa xôi có một người giàu tinh thân phục vụ xã hội đã tận dụng trọn đời sống mình trong công tác từ thiện, cùng với một nhóm bạn hữu. Sau khi chết, quả lành của hành động thiện đưa vị ấy tái sinh làm *Sakka*, vị vua Trời Đế-Thích.

2. Thiên Vương - *Deva*, đúng đắn tự, có nghĩa người sáng lạng, chói ngời, là một hạng chúng sanh có thể xác rất tế nhị, đến đôi mắt thường không thể trông thấy. Hạng chúng sanh này sống trong các cảnh Trời. Cũng có những vị Trời sống trên quả địa cầu.



Người chuyên cần vững tiến

11. *Appamādarato bhikkhu - pamāde bhayadassi vā. Saṃyojanam aṇuṃ thūlaṃ ḍaḥam aggi va gacchati.*

11. Vị Tỳ-khưu¹ thích thú trong việc chuyên cần chú niệm và nhìn phóng dật với tâm sợ hãi sẽ tiến bộ như lửa, thiêu đốt mọi thẳng thức² lớn nhỏ. 31.

Tích chuyện

Một tăng sĩ vào rừng hành thiền, nhưng thất bại. Thầy đi trở về yết kiến Đức Phật. Trên đường đi, thầy gặp một đám lửa rừng to bùng bùng vô tới, thiêu đốt tất cả cây cối lớn nhỏ. Cảnh tượng này thức tỉnh thầy, gợi ý rằng

chính thầy cũng phải mạnh dạn và vững vàng tiến lên như đám lửa rừng để thiêu đốt tất cả trói buộc lớn nhỏ bằng lửa Bát chánh đạo. Đức Phật dạy tư tưởng thầy và, rải một tia sáng đến, khuyên dạy những lời trên.

Chú thích

1. Tỳ-khuru - *Bhikkhu*, là người đệ tử của Đức Phật đã thọ lễ xuất gia đầy đủ (Cụ Túc Giới). "Nhà sư khát thực" có thể là danh từ gần gũi với Phạm ngữ "*bhikkhu*". Thầy Tỳ-khuru không phải là người trung gian giữa Thượng đế với người. Thầy Tỳ-khuru không bị ràng buộc phải sống suốt đời như vậy, nhưng, ngày nào còn đắp y vàng, thầy phải ghép mình vào nếp sống giới luật mà chính thầy đã tự nguyện nghiêm trì trong sạch. Thầy cũng tự nguyện sống đời nghèo thiếu và độc thân. Đến khi cảm thấy không thể còn giữ tròn giới luật, không thể tiếp tục đời sống thiêng liêng, thầy có thể hườn tục bất luận lúc nào.

2. Thằng thục - *Samyojana*, đúng nghĩa là cái gì đưa đẩy, dẫn dắt chúng sanh quanh quẩn trong đại dương của đời sống, những dây trói buộc chúng sanh vào vòng luân hồi. Có mười loại dây trói buộc (*Samyojana*, thằng thục) là: ảo kiến về tự ngã (*sakkāyadiṭṭhi*, thân kiến), hoài nghi (*vicikicchā*), dễ duôi trong nghi thức lễ bái (lầm lạc) (*silābba taparāmāsa*, giới cấm thủ), tham dục (*kāmarāga*), sân hận (*paṭigha*), luyện ái, đeo níu trong sắc giới (*rūparāga*), luyện ái, đeo níu trong vô sắc giới (*arūparāga*), ngã mạn (*māna*), phóng dật (*uddhacca*) và vô minh (*avijjā*).

Năm dây trói buộc đầu tiên có liên quan đến bờ bên này (*oram-bhāgiya*) được xem là nhỏ. Năm loại thằng thục còn lại, liên quan đến bờ bên kia (*uddhambhāgiya*), là lớn.

Tận diệt ba thăng thức đầu tiên khi đắc quả Tu-Đà-Huòn (*Sotāpaṭṭi*, Nhập Lưu), từng thánh đầu tiên.

Hai loại trói buộc kể được giảm bớt khi đắc Tư-Đà-Hàm (*Sakādagāmi*, Nhứt Lai), từng thánh thứ nhì.

Hai loại này được tận diệt khi đắc A-Na-Hàm (*Anāgāmi*, Bất Lai), từng thánh thứ ba.

Khi đắc quả A-La-Hán (*Arahatta*, Vô Sanh) thì tận diệt năm loại dây cuối cùng.



Người chuyên cần đổi diện Niết-bàn

**12. Appamādarato bhikkhu - pamāde bhayadassi vā
Abhabbo parihāṇāya - nibbānasseva santike.**

**12. Vị Tỳ-khưu thích thú trong chuyên cần chú niệm và nhìn
phóng dật với tâm sợ hãi không còn phải rơi trở xuống¹. Vị
ấy đã đổi diện với Niết-bàn.** 32.

Tích chuyện

Có một tăng sĩ độ lượng và tri túc. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vị ấy được như vậy là nhờ trong quá khứ đã có kết hợp chặt chẽ với Ngài và ghi nhận rằng những ai có nếp sống như thầy Tỳ-khưu kia đã đứng trước Niết-bàn.

Chú thích

1. Rơi trở xuống - từ mức độ tinh thần mà Ngài đã đạt đến.



3. TÂM - CITTA VAGGA



Hãy giữ vững cái tâm chao động của ta

**1. Phandanam capalam cittam durakkham dunnivārayam.
Ujum karoti medhāvī - usukāro va tejanam.**

1. Cái tâm, chập chờn, chao động ¹, khó canh phòng, khó kiểm soát - người thiện trí giữ vững tâm ngay ngắn giống như thợ chuốt tên uốn nắn cho tên được ngay. 33.

**2. Vārijo va thale khitto - okamokata ubbhato.
Pariphandatidam cittam - māradheyyam pahātave.**

2. Cá bị vớt lên khỏi nước và vớt trên đất khô như thế nào thì tâm chao động cũng dường thế ấy. Vậy, phải lánh xa cảnh giới của dục vọng ². 34.

Tích chuyện

Tâm của một vị Tỳ-khưu bị những tư tưởng xấu chế ngự. Đức Phật khuyên dạy thầy nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu.

Chú thích

1. Tâm - *Citta*, do căn "*cit*" là suy gẫm. Phạm ngữ *citta* thường được giải thích là "cái gì hay biết một đối tượng" (*cinteti = vijānāti*). Đúng ra, quả thật không phải có cái gì suy gẫm về một đối tượng, như danh từ này hàm ý. Về một quan điểm cùng tột, có thể định nghĩa *citta* là sự hay biết một đối tượng vì Phật giáo phủ nhận có một cái gì chủ quan, như một linh hồn trường cửu, để suy gẫm và hiểu biết. Theo Phật giáo, không có sự phân biệt giữa tâm và thức, cả hai đều có thể dùng như đồng nghĩa với *Citta*.

2. *Pahātave*, trong nghĩa *pahatabba*, phải được lánh xa.



Hãy kiểm soát tâm

3. *Dunniggaḥassa laḥuno - yattha kāmanipātino. Cittassa damatho sādhu - cittaṃ dantaṃ sukhāvahaṃ.*

3. Cái tâm, khó kiểm soát, lạnh lẽ, phóng đi khắp nơi: nắm được tâm là tốt. Tâm có kiểm soát dẫn đến hạnh phúc. 35.

Tích chuyện

Nhờ sự hướng dẫn của chư Sư, một thiếu phụ có tâm đạo nhiệt thành đắc quả A-Na-Hàm (*Anāgāmi*, Bất Lai) từng thánh thứ ba, cùng với nhiều phép thần thông như đọc tư tưởng của người khác (tha tâm thông), trước khi các vị sư ấy đắc. Hiểu được rằng chư tăng còn đang thiếu thốn về mặt vật chất nên bà hết lòng hộ trì. Sau đó không bao lâu các Ngài cũng đắc quả A-La-Hán. Một tăng sĩ ở nơi khác nghe tiếng về năng lực tinh thần của bà, đến viếng và lưu lại tại chùa. Bà tận lực hỗ trợ thầy. Vị tăng sĩ lo sợ những tư tưởng xấu có thể phát sanh, đến bạch cùng Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên giữ vững cái tama khó kèm chế của thầy.



Hãy canh chừng tư tưởng

4. *Sududdasaṃ sunipuṇaṃ - yatthakāmanipātinaṃ. Cittaṃ rakkhetha medhāvī - cittaṃ guttaṃ sukhāvahaṃ.*

4. Rất khó tri giác cái tâm. Tâm vô cùng tế nhị. Người thiện trí canh phòng tâm. Tâm được canh phòng nghiêm nhậ dẫn đến hạnh phúc. 36.

Tích chuyện

Một thiện tín có nhiệt tâm tu học, xuất gia theo Đức Phật, nhưng sớm thấy rằng đời sống thiêng liêng đạo hạnh rất là khó khăn, rắc rối, vì giới luật quá nhiều. Đức Phật khuyên

thầy không nên lo âu vì luật giới mà chỉ lo canh phòng tư tưởng của mình.



Người đã kiểm soát tâm sống tự do

5. *Dūraṅgamaṃ ekacaraṃ - asaṇṇaṃ guhāsayaṃ. Ye cittaṃ saṃyamissanti - mokkhanti mārabandhanā.*

5. Lao mình vào cuộc hành trình xa xôi dịu vợi, đó đây đơn độc¹, không thể xác², nằm trong một cái hang³: Đó là tâm. Ai chế ngự được tâm là thoát khỏi mọi ràng buộc của Ma Vương. **37.**

Tích chuyện

Hai cậu cháu xuất gia sống đời thiêng liêng. Ngày kia có người dâng đến cháu hai xấp vải. Cháu dâng lại cậu một xấp, nhưng cậu từ chối, không nhận. Người cháu buồn ý và, khi đang quạt cho cậu, nảy sanh ra ý nghĩ rời bỏ đời tăng sĩ. Rồi, theo dòng tư tưởng, thầy mơ sẽ bán xấp vải, lấy tiền mua một con dê. Thầy sẽ cưới vợ và có con. Thầy sẽ dắt vợ và con đến chùa lễ cậu. Trên đường đến chùa, bỗng nhiên vợ thầy giết con. Thầy nổi giận, đánh vợ. Vừa quạt vừa mơ như thế, thầy quơ cây quạt nhằm cậu. Người cậu đọc được tư tưởng cháu, dẫn dắt cháu trở về thực tế. Thầy Tỳ-khưu cháu lấy làm hồ thẹn buông cây quạt xuống, bỏ chạy. Cậu chụp cháu lại, đem đến Đức Phật. Nhon cơ hội, Đức Phật mô tả bản chất vô thường, luôn luôn trôi chảy của tâm như trên.

Chú thích

1. Đơn độc - vì không thể có hai chấp tư tưởng phát sanh cùng một lúc, trong một khoảnh khắc nhưث định.
2. Cái tâm vô hình, không có hình thể, không có màu sắc.
3. *Guhāsayaṃ*, tức là ý căn.

Đức Phật không có chỉ rõ một nơi nào, nhứt quyết đó là ý căn, như trường hợp năm căn kia, mắt là nhãn căn, tai là nhĩ căn v.v... Vào thời bấy giờ người ta tin rằng trái tim là ý căn, và dĩ nhiên, những người *Upanishads* hỗ trợ sự tin tưởng ấy. Nếu muốn, Đức Phật cũng có thể giảng giải theo chiều hướng đó, nhưng Ngài không làm vậy. Trong kinh Nhân quả tương quan (*Paṭṭhāna*), Đức Phật đề cập đến ý căn với những danh từ gián tiếp như *yam rupāṃ nissāya*, tùy thuộc nơi cái vật chất ấy. Nhưng cái vật chất ấy là gì, Ngài không quả quyết. Theo quan điểm của những nhà chú giải như Đại đức *Buddhagosa* và *Anuruddha* thì trái tim (*hadayaavatthu*) là ý căn.

Trong khi chính Đức Phật không xác nhận cũng không phủ nhận chủ thuyết được nhiều người theo cho rằng trái tim là ý căn, nếu ta quả quyết rằng quan điểm của Phật giáo về vấn đề này là như thế nào thì liệu có thể chứng minh được không?



Người giác tỉnh không sợ sệt

6. *Anavattṭhitacittassa - saddhammaṃ avijānato. Pariplavapasādassa - paññā na paripūrati.*

6. Người mà tâm không vững. Người không biết chánh Pháp. Người mà niềm tin giao động. Trí tuệ¹ của người như thế không bao giờ toàn hảo. 38.

7. *Anavassutacittassa - ananvāhatacetaso. Puññapāpapahinassa - natthi jāgarato bhayaṃ.*

7. Người không bị (tham ái) thăm nhuần. Người không bị (sân hận) thăm nhiễm. Người đã vượt lên khỏi cả hai, thiện và ác². Người giác tỉnh³ như thế không bao giờ sợ sệt. 39.

Tích chuyện

Một nông dân xuất gia sống đời thiêng liêng vì nghĩ rằng đời sống ở chùa sẽ được dễ dàng hơn. Sau đó, sáu lần thầy hườn tục và sáu lần đều xin trở lại. Ngày kia, khi nhìn thấy một thiếu phụ sắp lâm bồn phải chịu vô cùng đau đớn, anh nông dân thật sự nhàm chán thế tục. Trên đường đến chùa, anh hành thiền, đắc quả Tu-Đà-Hườn (*Sotāpanna*, Nhập Lưu) và xin xuất gia với những vị tăng sĩ không mấy hoan hỉ chấp nhận vào Giáo hội một người đã nhiều lần ra đi và trở lại. Sau cùng, anh được thọ Cụ túc giới và cố gắng chuyên cần, sớm thành đạt đạo quả A-La-Hán. Các vị Tỷ-khưu đồng môn không tin, bạch với Đức Phật và Đức Phật giải thích trạng thái tâm của thầy, trước và sau khi chứng ngộ Niết-bàn.

Chú thích

1. Trí tuệ - đó là Tuệ minh sát.
2. Hành động của một vị A-La-Hán, vị Thánh toàn hảo, không tốt hay xấu. Như vậy không có nghĩa là Ngài thụ động hay tiêu cực. Ngài vẫn tích cực, nhưng hoạt động của Ngài không vị kỷ và hướng về sự nâng đỡ, dù dắt kẻ khác bước theo dấu chơn Ngài, đi trên con đường mà chính Ngài đã trải qua. Hành động của Ngài - thường được chấp nhận là tốt - không có năng lực tạo nghiệp. Tuy nhiên, Ngài không thể tránh khỏi hậu quả của những nghiệp đã tạo trong quá khứ. Bất luận hành động nào của một vị A-La-Hán cũng được gọi là duy tác (*kriya*), không phải là nghiệp (*kamma*), không có năng lực tạo nghiệp. Đã nhận chơn được thực tướng của sự vật, cuối cùng Ngài phá tan xiềng xích của vòng luân hồi.

3. Người giác tỉnh - không nên lầm tưởng rằng các vị A-La-Hán không ngủ. Dầu ngủ hay thức các Ngài được xem là luôn luôn thức tỉnh bởi vì năm phẩm hạnh là niềm tin (*saddhā*), tinh tấn (*virīya*), tâm niệm (*sati*) tâm định (*samādhi*) và trí tuệ (*paññā*) của Ngài luôn giác tỉnh.



Hãy kiên cố tâm và không nên luyện ái

8. Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā - nagarūpamaṃ cittam idaṃ thapetvā. Yodetha māraṃ paññāyudhena jitaṇṇa rakkhe anivesano siyā.

8. Người nhận thức rằng thể xác này (mỏng manh) như một cái lọ, kiên cố tâm này (bền vững) như một thành trì và tấn công Ma Vương¹ bằng khí giới trí tuệ. Người ấy phải cố giữ cái đã chiếm² và không luyện ái³. 40.

Tích chuyện

Nhiều vị tăng sĩ đang hành thiền trong rừng bị các vị Trời ngụ trên cây làm chao động, trở về thỉnh giáo với Đức Phật. Ngài khuyên các thầy nên rải tâm Từ đồng đều đến tất cả. Hành đúng lời dạy, về sau những vị ấy được chư Thiên hộ trì hữu hiệu. So sánh thể xác này với một món đồ gốm, nhóm tăng sĩ phát triển minh sát. Đức Phật đọc tụng các thầy, xuất hiện đến trước mặt và xác nhận điều ấy.

Chú thích

1. Ma Vương- ở đây có nghĩa dục vọng.
2. Chiếm - hay chinh phục, ở đây có nghĩa là những người mới phát triển minh sát (*vipassanā*).

3. Không luyến ái - không đeo níu theo những bậc thiên (*jhnā*) mà hành giả đã đạt được. Thiên là những trạng thái tâm (tâm sở) phát triển cao độ do nhờ chú tâm an trụ.



9. *Aciraṃ vatayaṃ kāyo - paṭhaviṃ adhisessati. Chuddho apeta viññāṇo niraṭṭhaṃ va kaḷiṅgaram.*

9. Rồi đây, thân ôi! thể xác này sẽ trải nằm trên mặt đất, bị vứt qua một bên, hết tâm, và cũng vô dụng như một khúc gỗ cháy¹. 41.

Tích chuyện

Đức Phật chăm sóc một tăng sĩ bệnh mà các vị khác không dám đến gần. Chính tay Ngài lau rửa cho vị Tỳ-khưu mình mảy lông lở hôi thúi ấy. Sau khi làm xong Ngài ngồi lại trên đầu giường và thuyết cho thầy một thời Pháp về bản chất vô thường của thể xác.

Chú thích

1. *Kaḷiṅgaram*, - một khúc gỗ mục thúi, không có giá trị không thể dùng được vào bất luận việc gì.



Tâm hướng về điều bất thiện là kẻ thù tệ hại nhất

10. *Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā verī vā pana verinaṃ. Micchāpanihitaṃ cittaṃ - pāpiyo naṃ tato kare.*

10. Bất luận điều (nguy hại) nào mà kẻ thù có thể gây cho kẻ thù, hay người oán hận cho người oán hận, một cái tâm hướng về chiều ác¹ có thể gây nguy hại còn to lớn hơn nhiều. 42.

Tích chuyện

Một nhà chăn nuôi gia súc giàu có thỉnh Đức Phật đến nhà. Khi Đức Phật ra về, ông tiễn chơn Ngài đi một đôi xa và lúc trở lại rủi bị một mũi tên lạc trúng chết. Các vị Tỳ-

KINH PHÁP CÚ

khuru bàn luận rằng nếu Đức Phật không đến viếng chắc nhà chăn nuôi gia súc kia khỏi phải chết. Đức Phật giải thích rằng dầu thế nào chăng nữa, ông ấy không thể lẫn tránh nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ và Ngài thêm rằng một cái tâm hướng về điều bất thiện trở thành kẻ thù nguy hiểm nhất cho chính mình.

Chú thích

Tâm hướng về chiều đó - Đó là tâm hướng về mười loại bất thiện nghiệp là:

- 1) sát sanh, 2) trộm cắp, 3) tà dâm, 4) nói dối, 5) nói lời đâm thọc, 6) nói lời thô lỗ cộc cằn, 7) nói lời nhảm nhí, 8) tham lam, 9) sân hận, và 10) tà kiến.



Tâm hướng thiện còn hơn một người cha hay người mẹ nhiều

11. Na tam mātā pitā kayirā - aññe vā pi ca ñātakā. Sammā pañihitaṃ cittaṃ seyyaso nañ tato kare.

11. Điều mà không một người mẹ, một người cha, hay bất luận thân bằng quyến thuộc nào có thể làm được, tâm hướng thiện có thể, và nhờ đó, đưa ta lên. 43.

Tích chuyện

Người khá giả kia nảy sanh ý nghĩ tham ái khi gặp một vị A-La-Hán. Kế đó ông kiểm soát được tâm, xin xuất gia và sớm đắc quả A-La-Hán. Nghe sự thay đổi thuận lợi và sự thành đạt mỹ mãn ấy, Đức Phật ca ngợi Ngài và thêm rằng tâm hướng thiện có thể đem lại phước báu to lớn mà không một ông cha hay bà mẹ nào có thể đem lại.

Chú thích

1. Tâm hướng thiện - đó là tâm hướng về mười loại hành động thiện (*kusala*) là:

1) bố thí, 2) trì giới, 3) hành thiền, 4) cung kính bậc
thượng thượng, 5) phục vụ, 6) hồi hướng phước báu, 7)
hoan hỉ với phước báu của người khác, 8) nghe giáo
pháp, 9) truyền bá giáo pháp, và 10) củng cố chánh
kiến.



4. HOA - PUPPHA VAGGA



Người đệ tử cao thượng chinh phục cái tự ngã này

1. *Ko imarī pathaviṃ vicessati - yamalokaṃ ca imarī sadevakaṃ. Ko dhammapadaṃ sudesitaṃ - kusalo pupphamiva paccassati.*

1. Ai sẽ thấu triệt ¹ quả địa cầu(tự ngã) ² này, cảnh giới Dạ-Ma ³ (Yama) này, và thế gian ⁴ này, cùng với chư Thiên? ⁵ Ai sẽ quán trách con đường Giới hạnh ⁶ vốn đã được quảng bá đầy đủ, giống như một chuyên viên (làm tràng hoa) sẽ bốc lên những cành hoa? 44.

2. *Sekho pathaviṃ vicessati - yamalokaṃ ca imarī sadevakaṃ. Sekho dhammapadaṃ sudesitaṃ - kusalo pupphamiva paccassati.*

2. Một môn đệ trong thời kỳ còn tu học ⁷ (*sekha*) sẽ thấu triệt quả địa cầu này, cảnh giới của Dạ-Ma (*Yama*) này, và thế gian này, cùng với chư Thiên. Một môn đệ trong thời kỳ còn tu học sẽ quán trách con đường Giới hạnh, vốn đã được quảng bá đầy đủ, giống như một chuyên viên (làm tràng hoa) sẽ bốc lên những cành hoa. 45.

Tích chuyện

Khi nghe các môn đệ của Ngài thảo luận về bề rộng của quả địa cầu, Đức Phật khuyên các thầy tốt hơn nên hành thiền, suy niệm về thành phần đất trong bản thân của chính các thầy.

Chú thích

1. Thấu triệt - *Vijessati* = *attano ñaṇṇena vijānissati* - ai sẽ biết được do nhờ trí tuệ của chính mình? (Chú giải).

2. Quả địa cầu - là thân này. Ý nói ai sẽ thông suốt thực tướng của mình? Mình như thế nào, hiểu mình đúng như thế ấy.

3. Cảnh giới Dạ-Ma - *Yama*, có nghĩa là bốn cảnh giới cùng cực, tức: khổ cảnh (thường gọi địa ngục), cảnh thú, cảnh ngạ quỷ (*peta*), và cảnh A-Tu-La (*Asura*). Theo Phật giáo, khổ cảnh hay địa ngục không trường tồn vĩnh cửu. Đó là một trạng thái cùng cực, như hai cảnh giới thú và ngạ quỷ, trong ấy chúng sanh phải chịu khổ đau vì đã có hành động bất thiện, tạo nghiệp xấu, trong quá khứ.

4. Thế gian này - là cảnh người và sáu cảnh Trời (gọi là Trời dục, nghĩa là Trời trong cảnh Dục giới). Bảy cảnh giới ấy được xem là hữu phúc (*sugati*).

5. Chư Thiên - *Devas*, Trời, đúng nghĩa là những chúng sanh hữu phúc đang hưởng quả lành của những hành động thiện trong quá khứ. Các Ngài cũng không vĩnh cửu trường tồn, mà phải chết một ngày nào.

6. Con Đường Giới Hạnh - *Dhammapada*. Lời chú giải ghi rằng danh từ này ám chỉ ba mươi bảy yếu tố dẫn đến Giác Ngộ (*Bodhipakkhiyadhamma*. Ba mươi bảy bồ đề phần) là:

a. Tứ Niệm Xứ (*Satipatṭhāna*) gồm:

Niệm thân (*kāyānupassanā*)

Niệm thọ (*vedanānupassanā*)

Niệm tâm (*cittānupassanā*)

Niệm Pháp (*dhammānupassanā*)

b. Tứ Chánh Cần (*Sammappadhāna*) gồm:

Tỉnh tấn ngăn ác pháp phát sanh (*samvarappadhāna*)

Tỉnh tấn trừ ác pháp đã phát sanh (*pahānappadhāna*)

KINH PHÁP CÚ

Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh (*bhāvanāppa-dhāna*)

Tinh tấn tăng cường thiện pháp đã phát sanh (*anurak-khanāppādhāna*)

c. Tứ Thần Túc hay Tứ Căn Thông (*Iddhipāda*) gồm:

Ý muốn làm (*chanda*)

Tinh tấn (*virīya*)

Tâm (*citta*)

Quán trạch hay suy xét (*vimamsā*)

d. Ngũ Căn (*Indriya*) gồm:

Tín hay niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng (*saddhā*)

Tinh Tấn (*virīya*)

Niệm (*sati*)

Định (*samādhi*) và

Tuệ (*paññā*)

e. Ngũ Lực (*Bala*) gồm:

Tín (*saddhā*)

Tinh tấn (*virīya*)

Niệm (*sati*)

Định (*samādhi*)

Tuệ (*paññā*)

f. Thất Giác Chi (*Bojjhanga*) gồm:

Niệm (*sati*)

Trạch pháp (*dhammavicaya*)

Tinh tấn (*virīya*)

Phỉ (*pīti*)

An tịnh (*passaddhi*)

Định (*samādhi*)

Xả (*upekkhā*)

g. Bát Chánh Đạo (*Aṭṭhangikamagga*) gồm:

Chánh kiến (*sammādiṭṭhi*)

Chánh tư duy (*sammā saṃkappa*)

Chánh ngữ (*sammā vācā*)

Chánh nghiệp (*sammā kammanta*)

Chánh mạng (*sammā ājīva*)

Chánh tinh tấn (*sammā vāyāma*)

Chánh niệm (*sammā sati*)

Chánh định (*sammā samādhi*)

7. Người trong thời kỳ còn tu học - Theo đúng căn nguyên, danh từ *Sekha* có nghĩa người còn đang ở trong thời kỳ được huấn luyện, người đang được đào tạo. *Sekha* là người đệ tử còn trong khoảng ba từng thánh đầu tiên, tức từ Tu-Đà-Hườn đến A-Na-Hàm, đang tu học để thành tựu thánh quả cuối cùng là A-La-Hán quả. Khi đã hoàn toàn tận diệt mọi dây trói buộc (*samyojana*, thăng thúc) và đắc quả A-La-Hán, vị ấy được gọi là *Asekha*, đã hoàn toàn thuần thực, không còn gì để được huấn luyện nữa vì đã hoàn tất mỹ mãn công trình tu học.

Người đệ tử được đào luyện đầy đủ (*asekha*) thật sự tự hiểu biết thực tướng của mình và thông suốt chơn tướng của thế gian.



Thể xác này tựa hồ một ảo ảnh

3. *Phenūpamam kāyamimam viditvā - marīcidhammam abhisambudhāno. Chetvāna mārassa papupphakāni - adassanam maccurājassa acche.*

3. Biết rằng thể xác này tựa hồ như bọt nước ³ và thấu triệt bản chất mờ ảo của nó ², ta phải tiêu trừ những cảnh hoa của dục vọng (Ma vương) và vượt qua tầm mắt của Tử thần.

46.

Tích chuyện

Cảnh tượng một ảo ảnh và những bọt nước gợi ý cho một tăng sĩ đang hành thiền về lý vô thường và vô ngã của đời sống. Đức Phật đọc tư tưởng của vị ấy và xuất hiện trước mặt thầy, xác nhận quan kiến ấy là đúng.

Chú thích

1. Như bọt nước: vì bản chất đổi thay, tạm bợ của nó.
2. Bản chất mờ ảo: bởi vì trong thể xác này không có gì vững bền, không có gì tồn tại lâu dài.
3. Tử thần: là phiền não của đời sống, phát sanh do dục vọng. Một vị A-La-Hán diệt trừ mọi dục vọng bằng trí tuệ và chứng ngộ Niết-bàn, không còn tái sanh nữa.



Cái chết lôi cuốn người không giác tỉnh, người sống trong dục lạc

4. *Pupphāni heva pacinantam - byāssattamanasam naram. Suttam gāmaṃ mahogho va maccu ādāya gacchati.*

4. Người thu nhặt những cành hoa (của dục lạc) người có tâm phóng túng, cái chết sẽ lôi người ấy đi, không khác nào trận lụt to cuốn theo dòng nước cả một làng đang say ngủ.
47.

Tích chuyện

Vì một lời nói có tánh cách khinh khi làm xúc động, vua *Vidūdabha* sanh lòng thù oán sâu đậm dòng dõi Thích Ca của Đức Thế Tôn, mang quân sang tiêu diệt toàn thể những người cùng họ này. Trên đường về, vua an định hạ trại bên một bờ sông để nghỉ quân. Giữa đêm khuya, một trận lụt to lôi cuốn tất cả vua và binh lính theo dòng nước. Nghe câu chuyện thương tâm ấy Đức Phật ghi nhận rằng

hiều người đi đến sự sụp đổ của chính mình trong khi thực hành mưu đồ để thành đạt mục tiêu.



Người tham dục chết với dục vọng bất thỏa mãn

**5. *Pupphāni heva pacinantam - byāsattamanasam naram.*
*Atittañeva kāmesu - antako kurute vasam.***

5. Người thu nhặt những cành hoa (của dục lạc), người có tâm phóng túng và không khi nào biết đủ, "Thần Tiêu Diệt"¹ sẽ tiêu người ấy vào vòng quay cuồng của mình. **48.**

Tích chuyện

Một tín nữ dâng vật thực đến Chư sư trong buổi sáng và chiều hôm ấy qua đời. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật giảng về bản chất vô thường của đời sống và thêm rằng con người ngã gục trước cái chết với lòng tham chưa toại nguyện.

Chú thích

1. Thần tiêu diệt: *Antaka*, người chấm dứt, tức chấm dứt đời sống.



Bạc thánh tăng không gây tổn hại cho bất cứ ai

**6. *Yathāpi bhamaro puppham - vaṇṇagandham aheṭṭhayam.*
*Paleti rasamādāya - evam gāme munī care.***

6. Như loài ong, chỉ hút mật của hoa rồi bay đi mà không làm tổn hại đến hương hay sắc của hoa, cùng thế ấy, đi đó đây trong làng mạc, người thiện trí phải như vậy¹. **49.**

Tích chuyện

Đức Mục-Kiền-Liên (*Moggallāna*) dùng thần thông đem hai vợ chồng một người giữ kho có tánh ti tiện đến trước mặt Đức Phật. Khi nghe thuyết Pháp xong cả hai xin quy y. Nghe những vị tăng sĩ khác tán dương phẩm hạnh của

Ngài Mục-Kiên-Liên, Đức Phật lưu ý rằng những vị tốt như Đức Mục-Kiên-Liên phải làm cho người khác đặt niềm tin nơi mình mà không hề gây tổn hại đến ai.

Chú thích

1. Đi trì bình khát thực mà không gây phiền phức cho ai.



Không tìm lỗi của kẻ khác mà tìm ở chính mình

7. Na paresaṃ vilomāni - na paresaṃ katākataṃ. Attano va avekkheyya - katāni akatāni ca.

7. Không nên tìm lỗi của kẻ khác, những điều chưa làm và những điều không làm của kẻ khác, mà (phải tìm) trong hành động của chính mình, những điều đã làm và những điều không làm. 50

Tích chuyện

Do lòng ganh tỵ, một tu sĩ lửa thể cấm người tín nữ của mình đi nghe Đức Phật thuyết Pháp. Tuy nhiên, bà biểu con thỉnh Đức Phật về nhà. Trong khi Đức Phật giảng Giáo Pháp cho bà, bỗng nhiên vị đạo sĩ xuất hiện, lăng mạ thậm tệ Đức Phật và bà tín nữ. Trước sự ngẫu nhiên bộc phát dữ dội ấy, thiếu phụ vô cùng bối rối nhưng Đức Phật khuyên bà nên tìm lỗi ở mình hơn là ở kẻ khác.



Thực hành tốt hơn lời giáo huấn suông

8. Yathāpi ruciraṃ pupphaṃ - vaṇṇavantaṃ agandhakaṃ. Evaṃ subhāsītā vācā - aphaḷā hoti akubbato.

8. Như cảnh hoa dễ mến, đẹp đẽ, nhưng không hương vị, lời nói hay của người không thực hành không mang kết quả. 51.

9. Yāthapi ruciram pupphaṃ - vaṇṇavantaṃ sagandhakaṃ. Evaṃ subhāsītā vācā - sapphalā hoti sakubbato.

9. Như cảnh hoa dễ mến, đẹp đẽ lại có hương vị, lời nói hay của người có thực hành mang lại kết quả dồi dào. 52.

Tích chuyện

Hai bà tín nữ, cùng là mạng phụ phu nhơn trong triều, đến học Giáo Pháp với Đại đức *Ananda*. Một bà chăm chú học. Bà kia không tiến bộ nhiều. Đức Phật tuyên ngôn rằng tựa như cành hoa không hương vị, Giáo Pháp trở nên vô ích cho người không cố gắng tu học.



Hãy tạo nhiều phước báu

10. *Yathāpi puppharāsimhā - kayirā mālāguṇe bahū. Evaṃ jātena maccena - kattabbaṃ kusalaṃ bahū.*

10. Từ đồng hoa, người ta nhặt từng cành để làm thành tràng hoa, cùng thế ấy, chúng sanh phải thu nhặt nhiều lần những hành động tốt. 53.

Tích chuyện

Một đại thí chủ thời Đức Phật, Bà *Visākhā*, xây cất một ngôi chùa rất đắt tiền. Khi công tác hoàn tất, bà vô cùng hoan hỉ, cùng các con và các cháu đi vòng quanh chùa, hát bài kệ bày tỏ sự thỏa thích. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật, Ngài ghi nhận rằng sở dĩ bà làm như vậy vì bà đã thành tựu mỹ mãn nguyện vọng cao cả của bà và Ngài thêm rằng tất cả đều phải cố gắng tạo nhiều phước báu.



Hương thơm của giới đức bay cùng khắp nơi

11. *Na pupphagandho paṭivātam eti - na candanaṃ tagaramallikā vā. Satañña gandho paṭivātameti - sabbā disā sappuriso pavāyati.*

11. Hương thơm của hoa không thể bay ngược chiều gió, trầm hương cũng vậy, gỗ *tagara*¹ và hoa laili cũng thế, nhưng hương của giới đức bay ngược chiều gió, con người giới đức bay thấu khắp nơi. 54.

12. Candanaṃ tagaraṃ vā pi - uppalaṃ atha vassikī. Etesaṃ gandhajātānaṃ - sīlagandho anuttaro.

12. Trầm, gỗ tagara, hoa sen, hoa lài, trên tất cả những loại hương ấy, hương thơm của giới đức còn hơn nhiều. 55.

Tích chuyện

Đại đức A-Nan-Đa (*Ānanda*) muốn biết mùi thơm nào có thể vừa cùng bay theo chiều gió vừa bay ngược chiều. Đức Phật dạy rằng hương thơm của giới đức bay cùng khắp nơi, theo chiều cũng như ngược chiều gió.

Chú thích

1. *Tagara* - là một loại cây mọc theo lùm mà người ta lấy gỗ để làm bột hương như trầm.



Hương thơm của đức hạnh cao quý nhất

13. Appamatto ayaṃ gandho - yāyaṃ tagaracandani. Yo ca sīlavataṃ gandho - vāti deveṣu uttamo.

13. Hương của cây tagara hay cây trầm quả thật không đáng kể. Hương thơm của giới đức, bay thấu đến các cảnh Trời, là tối thượng. 56.

Tích chuyện

Sakka, vua Trời Đế-Thích, giả làm một người thợ dệt nghèo, dâng vật thực đến Đại đức Ca-Diếp (*Kassapa*), lúc ấy đang tìm một người nghèo để giúp cho người ấy có cơ hội cúng dường Ngài. Đức Phật giải thích rằng chính giới đức trong sạch của Ngài Ca-Diếp (*Kassapa*) là sức hấp dẫn đưa vua Trời Đế-Thích đến.



Không thể theo dấu thức tái sinh của một vị A-La-Hán

**14. *Tesaṃ sampannasilānaṃ - appamādavihāriṇaṃ.
Sammadaññāvimuttānaṃ - māro maggaṃ na vindati.***

14. Ma Vương¹ không thể tìm ra con đường của người giới đức, người chuyên cần chú niệm, và siêu thoát, bằng cách hiểu biết chơn chánh. 57.

Tích chuyện

Đại đức *Godhika*, thất vọng vì bệnh hoạn, toan tự cắt cổ bằng dao cạo, nhưng liền trước khi chết Ngài phát triển minh sát, chứng ngộ Niết-bàn. Ma vương cố tìm coi thức tái sinh của Ngài đi về đâu. Đức Phật ghi nhận rằng Ma vương không thể tìm thấy dấu vết thức tái sinh của một vị A-La-Hán.

Chú thích

1. Ma vương - thể hiện sự xấu xa tội lỗi. Xem Chú thích câu 8.



**Trong người thấp hèn nhút cũng có điểm cao thượng
bậc thiện trí chói lọi sáng ngời giữa đám người
trần tục**

**15. *Yathā sankāradhānasmim̐ - ujjhitasmim̐ mahāpathe.
Padumaṃ tattha jāyetha - sucigandhaṃ manoramaṃ.***

**16. *Evaṃ saṅkārabhūtesu - andhabhūte puthujjane.
Atirocati paññāya - sammāsambuddhasāvako.***

15-16. Như cành hoa sen với mùi thơm dễ mến có thể mọc trên một đồng rác bên đàng, cùng thế ấy, trí tuệ một môn đệ của đấng Toàn Giác chiếu sáng ngời rực rỡ giữa đám chúng sanh thấp kém và tối tăm¹. 58-59.

Tích chuyện

Nữ tín đồ của một hệ thống khác tín ngưỡng âm mưu vu oan để phỉ báng Đức Phật và các môn đệ Ngài. Đức Phật phát giác mưu đồ và cảm hóa bà đến nghe Pháp Đức Phật giải thích rằng vì kém trí tuệ nên vài người không nhận thức được sự cao thượng của các môn đệ Ngài. Đức Phật so sánh những kẻ ấy với người mù và bậc thiện trí như người có mắt.

Chú thích

1. Phật giáo không lên án ai một cách vĩnh viễn, không khi nào cho ai là người phải chịu hư hỏng buông lung mãi mãi, không thể cải hóa, vì tánh cách cao thượng luôn luôn ngấm ngầm bên trong mỗi người, dầu là người thấp hèn cách nào, cũng như hoa sen, từ bùn dơ nước đục vượt lên nhưng vẫn giữ mình trong sạch và tinh khiết.



5. CUỒNG ĐẠI - *BĀLA VAGGA*



**Đôi với người không biết giáo pháp, vòng luân hồi
quả thật xa xôi**

**1. *Dīghā jāgarato ratti - dīghaṃ santassa yojanaṃ. Dīgho
bālānaṃ samsāro - saddhammaṃ avijānataṃ.***

1. Đêm dài đôi với người không ngủ. Người mệt mỏi thấy đường xa. Đôi với kẻ điên cuồng, không hiểu chơn lý cao siêu, con đường luân hồi ¹quả thật là xa xôi diệu vợi. **60.**

Tích chuyện

Vua *Pasenadi* đến hầu Phật và bạch rằng một hôm nọ vua cảm thấy đêm dài. Trong một cơ hội khác có người ghi nhận rằng một dặm đường thật quá dài. Đức Phật đúc kết hai câu chuyện và thêm rằng đối với người không biết Giáo Pháp, vòng luân hồi quả thật xa xôi diệu vợi.

Chú thích

1. Luân hồi - *Samsāra*, đúng nghĩa, là thênh thamg mãi mãi, triền miên. Đó là đại dương của đời sống hay kiếp sinh tồn.

Samsāra được định nghĩa là sự trôi chảy không ngừng của luồng ngũ uẩn, những nguyên tố và giác quan.

Samsāra cũng được định nghĩa là sự trôi chảy liên tục của luồng sống chúng sanh từ kiếp này sang kiếp khác, từ cuộc sinh tồn này qua sinh tồn kia.



Tránh kết hợp với người cuồng đại

**2. *Carañce nādhigaccheyya - seyyaṃ sadisamattano.
Ekacariyaṃ dalhaṃ kayirā natthi bāle sahāyā.***

2. Trên bước thiên lý xa xôi, nếu người đệ tử không gặp được bạn đồng hành ngang, hay hơn mình, thì hãy vững tiến trên con đường đơn độc của mình. Không nên kết hợp² với người cuồng đại¹. 61.

Tích chuyện

Thầy qở rầy học trò vì một lỗi lầm. Trò không vui, nổi lửa đốt tịnh thất thầy và bỏ trốn. Đức Phật nghe thuật lại câu chuyện, khuyên dạy rằng nên sống đơn độc còn hơn kết hợp với người điên khùng, cuồng đại.

Chú thích

1. Người cuồng đại - *Sahāyatā*, theo bản chú giải, danh từ này có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, con đường, và Thánh quả.

Như vậy, không nên hiểu cuồng đại theo định nghĩa thông thường. Cuồng đại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, không đi trên con đường đưa đến giải thoát.

2. Vì lòng từ bi, vì thương họ, ta có thể đến gần người cuồng đại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để cái cuồng đại của họ nhiễm ta.



Chính ta không phải là của ta

3. *Puttā matthi dhanammatthi iti bālo vihaññati. Attā hi attano natthi kuto puttā kuto dhanam.*

3. "Con cái, ta có. Sự nghiệp, ta có". Đó là mối lo âu của hạng cuồng si. Đúng ra, chính họ không phải là của họ. Vậy con cái nào là của họ? Sự nghiệp nào là của họ. 62.

Tích chuyện

Người kia giàu có nhưng bôn xén, keo kiệt. Đến lúc chết, ông ta tái sinh làm một người ăn xin có hình tướng xấu

xa. Ngày nọ, tình cờ ông đi đến cái nhà của ông trong kiếp sống trước, nhưng khi bước vào thì bị người nhà cột trói lại và vút trên một đồng rác. Đức Phật đi ngang qua thấy vậy thì lưu ý người chủ nhà - vốn là con của người ăn xin trong kiếp sống trước - rằng người kia không phải ai khác hơn là cha của ông.



Biết nhận thức sự cuồng đại của mình là người trí

4. *Yo bālo maññati bālyam - paṇḍito vāpi tena so. Bālo ca paṇḍitamānī - sa ve bālo'ti vuccati.*

4. Người điên mà biết mình điên - vì lẽ ấy - là người trí. Điên mà cho rằng mình có trí tuệ thì quả thật là điên. 63.

Tích chuyện

Hai người đi nghe thuyết pháp. Sau khi nghe, một người đắc quả Tu-Đà-Hườn. Trong lúc ấy người kia lo ăn cắp tiền. Trên đường về, người ăn cắp chê người đắc quả không biết lợi dụng thời cơ để kiếm chút gì như anh đã làm. Khi hay được câu chuyện, Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người cuồng đại và người trí.



Người cuồng đại không thể nhận chơn giá trị của giáo pháp

5. *Yāvajīvampi ce bālo - paṇḍitam payirupāsati. Na so dhammam vijānāti - dabbī sūparasam yathā.*

5. Người cuồng đại, đầu sống chung suốt đời với người trí, vẫn không hiểu Giáo Pháp hơn cái muổng thường thức hương vị của canh (mặc dầu nằm trọn vẹn trong nồi canh). 64.

Tích chuyện

Đại đức *Udāyi* thường ngồi trên Pháp tọa. Các vị Tỳ-khưu khác thấy vậy lầm tưởng rằng thầy thông suốt Giáo Pháp,

đến nhờ thầy giảng, mới biết thầy không thông. Câu chuyện được bạch với Đức Phật, Đức Phật giảng về thái độ của người cuồng dại, dầu suốt đời sống chung với người trí, vẫn không thông hiểu Giáo Pháp, cũng như cái muỗng, dầu nằm trọn vẹn trong nồi canh, vẫn không thường thức được hương vị của canh.



Bậc thiện trí nhận chơn giá trị của giáo pháp

6. *Muhuttamapi ce viññu - paṇḍitaṃ payirupāsati. Khippaṃ dhammaṃ vijānati - jivhā sūparasaṃ yathā.*

6. - Dầu chỉ sống chung với bậc trí tuệ trong chốc lát, người thông minh thấu hiểu nhanh chóng Giáo Pháp, như cái lưỡi (thường thức) hương vị của canh. 65.

Tích chuyện

Ba mươi thanh niên nghe được Giáo Pháp liền đắc quả A-La-Hán. Đức Phật đề cập đến sự chứng ngộ mau lẹ ấy và giải thích rằng các vị kia vốn đã là những người thông minh xuất chúng.



Quả của hành động bất thiện thật là đắng

7. *Caranti bālā dummedhā - amitteneva attanā. Karontā pāpakaṃ kammaṃ - yaṃ hoti kaṭukapphalaṃ.*

7. Người điên rồ thiên trí trở đi lộn lại với chính cái tự ngã của mình như kẻ thù, làm những việc ác mà hậu quả sẽ đắng cay. 66.

Tích chuyện

Ngày kia, có người mang bệnh cùi đến nghe Pháp và đắc quả Tu-Đà-Huàn (Nhập Lưu). Bất hạnh thay, lúc trở về, vị ấy bị một con ngựa con húc vào người và ngã ra chết. Đức Phật giải thích rằng vị ấy mang bệnh cùi vì trong một tiền

kiếp đã có lần nhỏ nước miếng vào một vị Phật Độc Giác và bị ngựa húc chết vì đã giết một cô gái giang hồ.



Hành động ấy quả thật bất thiện nếu đem lại hồi hận

*8. Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu - yaṃ katvā anutappati.
Yassa assumukho rodan̐ - vipākāṃ paṭisevati.*

8. Hành động ấy không tốt khi mà, sau khi thực hiện ta ăn năn hồi hận và, đến lúc gặt quả dữ, ta than khóc, lệ tuôn đầy mặt. 67.

Tích chuyện

Một nông dân bị kết tội ăn cắp vì oa trữ những tang vật bị đánh cắp. Do tác phong đặc biệt của anh, anh được đem đến trình với Đức Phật. Đức Phật giải thích rõ ràng trường hợp. Anh nông dân vô tội được thả về, và Đức Phật giảng dạy về hậu quả của những hành động bất thiện.



Hành động ấy quả thật là thiện nếu không đem lại hồi hận

*9. Taṇṇa kammaṃ kataṃ sādhu - yaṃ katvā nānutappati.
Yassa paṭito sumano - vipākāṃ paṭisevati.*

9. Hành động ấy tốt khi mà, sau khi thực hiện, ta không ăn năn hồi hận và, lúc hưởng quả lành, ta hoan hỉ thỏa thích. 68.

Tích chuyện

Một người làm vườn dâng đến Đức Phật những cành hoa mà anh để dành cho vua, và làm như thế có thể nguy đến tánh mạng anh. Trái với mọi dự đoán, vua rất thỏa thích được biết hành động trong sạch ấy và ban thưởng anh

xứng đáng. Nhơn cơ hội, Đức Phật giảng về quả lành của những hành động thiện.



Người hành ác đi đến phiền não

10. *Madhū'va¹ maññati bālo - yāva pāpaṃ na paccati. Yadā ca paccati pāpaṃ - atha dukkhaṃ nigacchati.*

10. Hành động xấu ngọt ngào như mật. Kẻ điên cuồng nghĩ như vậy khi quả dữ chưa trổ. Nhưng lúc quả trổ, họ sẽ đau khổ. 69.

Tích chuyện

Một nữ tu sĩ đang hành đạo giữa rừng. Người kia, trước có đi nói bà mà không được, vào rừng hăm hiếp bà. Khi nghe câu chuyện, Đức Phật giảng dạy về những phiền não mà người có hành động bất thiện phải gặp.

Chú thích

1. Trong nhiều bản, Phạn ngữ này viết *Madhuvā*.



Chứng ngộ thập phần cao thượng tuyệt cức suông

11. *Māse māse kusaggena - bālo bhuñjeyya bhojanam. Na so saṅkhātadhammānam kalaṃ agghati soḷasim.*

11. Tháng này qua tháng kia, người cuồng dại có thể chỉ ăn chút ít vật thực mà đầu ngọn cỏ Kusa¹ vít lên được. Nhưng (khổ hạnh như thế ấy) không bằng một phần mười sáu của người thông suốt Chơn Lý². 70.

Tích chuyện

Do quả dữ của hành động bất thiện trong quá khứ, một đạo sĩ thường ngày chỉ dùng phần người dể sống. Một ngày kia đạo sĩ chỉ vít chút bơ và mật ong trên đầu ngọn cỏ rồi để ở chót lưỡi mình. Đức Phật viếng ông và độ ông đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1. Đúng nguyên văn: "tháng này qua tháng kia, với mảnh lá của ngọn cỏ *kusa*, người cuồng đại có thể ăn bữa ăn của mình".

2. Người thông suốt chơn lý - *saṃkhatadhammānaṃ*, "Người đã cân nhắc định luật đầy đủ", Max Muller và Burlingame. "Người đã xem xét sự vật đầy đủ", Mrs Rhys Davids. "Người đã nghiên cứu Giáo pháp cao thượng", Woodward. Giải thích của bản chú giải là: "Những bậc Thánh nhơn đã chứng ngộ Tứ diệu đế".

Cái được gọi là tuyệt cốc trong những tín ngưỡng khác, dầu kéo dài đến đâu, cũng không thể nhờ đó mà tận diệt dục vọng và, như vậy, không bằng một phần mười sáu một ngày nhịn ăn của vị Thánh nhơn đã chứng ngộ Tứ đế.



Hành động bất thiện sẽ trở quả đúng lúc

**12. Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ sajju khīraṃ va muccati.
Dahantaṃ taṃ bālaṃanveti - bhasmacchanno va pāvako.**

12. Thật vậy, hành động xấu đã thực hiện không tạo quả tức khắc, cũng như sữa tươi không tức khắc đông đặc. Nó (âm thầm) theo người cuồng đại như cục lửa ngùn cháy dưới lớp tro tàn.

71.

Tích chuyện

Anh nông dân kia, vì hổ thẹn, nổi lửa thiêu đốt tịnh thất của một vị Phật Độc Giác. Do đó anh tái sanh làm ngạ quỷ có hình tướng giống như con rắn. Đức Phật giải thích vì sao anh phải chịu mang trạng thái đáng thương như vậy và giảng dạy những quả xấu của hành động bất thiện.



**Bên trong người cuồng đại, tri thức và danh vọng có
khuyh hướng làm sụp đổ họ**

**13. *Yāvadeva anattāya - ñattam bālassa jāyati. Hanti
bālassa sukkaṃsaṃ - muddhamassa vipātayaṃ.***

**13. Trong sự sụp đổ của chính mình, thật vậy, người cuồng
đại thấu đạt tri thức và danh vọng. Tri thức và danh vọng
tiêu diệt số phần sáng sủa và bữa cái đầu của người cuồng
đại ¹. 72.**

Tích chuyện

Một người học trò buông lung hư hỏng theo học nghề
cung kiếm và sử dụng sai lạc tài nghệ của mình, bắn hòn
đá trúng một vị Phật Độc Giác chết ngay tại chỗ. Do
nghiệp bất thiện ấy, anh tái sanh làm ngã quý, hai tay cầm
búa to. Nhắc đến tài nghệ trong quá khứ của anh, Đức
Phật ghi nhận rằng chính sự hiểu biết của người hư hỏng,
nhur tài bắn cung của người học trò buông lung, làm sụp
đổ họ.

Chú thích

1. Bữa cái đầu - tức là phân tán trí tuệ.



Người si mê tìm danh vọng bất chánh

**14. *Asataṃ bhāvanamiccheyya purekkhāraṇa bhikkhusu.
Avāsesu ca issariyaṃ - pūjāṃ parakulesu ca.***

**14. Người cuồng đại mong muốn thanh danh bất chánh,
muốn chiếm địa vị trên trước trong tăng chúng, muốn quyền
thế trong tu viện, muốn được kính nể hơn các gia đình khác.
73.**

**15. *Mameva kataṃ maññantu - gihī pabbajitā ubho.
Mamevātivāsā assu - kiccākiccesu kismici. Iti bālassa
saṅkappo - icchā māno ca vaḍḍhati.***

**15. Hãy để cho cả hai, tăng chúng và cư sĩ, nghĩ rằng: "Việc
này do chính ta làm. Trong mỗi việc, đầu lớn hay nhỏ, hãy để**

chúng làm theo ta" Đó là tham vọng của kẻ cuồng đại. Lòng tham ái và tính ngã mạn của họ tăng trưởng. 74.

Tích chuyện

Một tăng sĩ trụ trì lòng ganh tỵ với vị khách - vốn là đại đệ tử của Đức Phật - từ xa đến viếng, vì vị này được nhiều thiện tín kính mộ. Thầy lăng mạ khách và đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên sám hối, không nên ích kỷ và có nhiều tham vọng, không nên chấp điều gì là "Ta" và "của Ta".



Con đường danh lợi là một, và Niết-bàn là con đường khác

16. *Aññā hi lābhūpanisā aññā nibbānagāminī. Evametaṃ abhiññāya - bhikkhu buddhassa sāvako. Sakkāraṃ nābhinandeyya - vivekamanubrūhaye.*

16. Chắc như vậy, con đường dẫn đến lợi lộc của trần gian là một, và dẫn đến Niết-bàn là con đường khác. Thông hiểu như thế, thầy Tỳ-khưu, đệ tử Phật, không nên thỏa thích trong mùi danh bã lợi của thế gian mà phải trau dồi tâm dứt bỏ.¹ 75.

Tích chuyện

Vị Sa-di kia xuất thân từ một gia đình khá kính, được thiện tín tới tấp dâng lễ vật cúng dường. Nhưng ông chẳng màng, từ chối tất cả, chấp nhận đời sống đơn độc và nghèo nàn ở chốn rừng sâu. Một ngày tươi sáng nọ vị Sa-di thành đạt đạo quả A-La-Hán. Các vị Tỳ-khưu hết lời tán dương phẩm hạnh gương mẫu của Ngài. Nghe câu chuyện, Đức Phật mô tả hai con đường khác nhau, một dẫn đến lợi lộc và một đến Niết-bàn.

Chú thích

1. Tâm dứt bỏ - *Viveka*, là bỏ hay tách rời, gồm có ba là: *Kāyaviveka*, thể xác tách rời ra khỏi đám đông, *citta-viveka*, tinh thần tách rời khỏi dục vọng, và *upadhiveka*, sự trọn vẹn tách rời khỏi tất cả những vật hữu lậu (tùy thể, những vật phát sanh do nguyên nhân), tức là Niết-bàn.



6. BẠC THIỆN TRÍ - *PAṆḌITA VAGGA*



**Hãy kết hợp với người thiện trí hết lòng khuyên
thiện ta**

1. *Nidhinaṃ va pavattāraṃ - yaṃ passe vajjadassināṃ.*

Niggayhavādiṃ medhāviṃ - tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje.

Tādisaṃ bhajamānassa - seyyo hoti na pāpiyo.

**1. Nếu gặp người thiện trí chỉ cho ta những lỗi lầm và những
điểm cần phải sửa sai - giống như người phát giác cho ta kho
tàng bảo vật - hãy kết hợp với người như thế. Ai kết hợp với
người như thế sẽ trở nên tốt, không xấu hơn.** 76.

Tích chuyện

Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) thọ nhận một người
nghèo vào Giáo hội để tỏ lòng biết ơn một muống vật thực
mà người ấy đã dâng đến Ngài. Vị tăng sĩ mới luôn luôn
tìm cơ hội học hỏi và tận lực chuyên cần theo lời dạy của
thầy nên sớm đắc quả A-La-Hán. Đức Phật đề cập đến
tinh thần hiếu học và luôn luôn sẵn sàng sửa mình của vị
Thánh Tăng và kêu gọi các vị khác nên noi theo gương
lành trong sạch ấy.



**Người tốt hoan hỉ với lời khuyên dạy, người xấu
thì không**

**2. *Ovadeyyānusāseyya - asabbhā ca nivāraye. Sataṃ hi so
piyo hoti - asataṃ hoti appiyo.***

**2. Hãy để người ấy khuyên nhủ, dạy dỗ và thuyết phục ta
không làm điều ác. Người tốt quả thật hoan hỉ với lời khuyên
thiện, người xấu thì không.** 77.

Tích chuyện

Đức Phật yêu cầu hai vị đại đệ tử của Ngài khuyên dạy hai thầy Tỳ-khưu không theo đúng giới luật. Ngài lưu ý hai vị ấy rằng người tốt biết thương ai khuyên dạy mình, còn người đã không biết tôn trọng kỷ luật ắt không biết thương.



Hãy kết hợp với bạn lành

3. *Na bhaje pāpake mitte - na bhaje purisādhame. Bhajetha mitte kalyāṇe - bhajetha purisuttame.*

3. - Không kết hợp với bạn xấu, với người ti tiện. Hãy kết hợp với người tốt, người cao quý. 78.

Tích chuyện

Đại đức Sa Nặc (*Channa*), trước kia là người đánh xe cho Thái Tử Sĩ Đạt Ta (*Siddhattha*) tỏ ra thật kỳ khôi, khó dạy, và thường ương ngạnh với hai vị đại đệ tử của Đức Phật. Ba lần Đức Phật khuyên dạy thầy về sự lợi ích có bạn tốt và lưu ý rằng hai vị đại đệ tử là bạn tốt nhất của thầy.



Người thấm nhuần giáo pháp sống hạnh phúc

4. *Dhammapīti sukkaṃ seti - vipprasannena cetasā. Ariyappavedite dhamme - sadā ramati paṇḍito.*

4. - Người thấm nhuần Giáo Pháp sống trong hạnh phúc với tâm an tịnh. Người thiện trí luôn luôn thỏa thích trong Giáo Pháp mà các bậc Thánh nhơn đã tìm ra. 79.

Tích chuyện

Một ông vua xuất gia và đắc quả A-La-Hán thường nói: "Quả thật hạnh phúc!" Các thầy Tỳ-khưu hiểu lầm, bạch với Đức Phật rằng rõ ràng vị Đại đức kia đang tưởng nhớ

những thú vui vương giả của thời xưa nên đã thốt lên như vậy. Đức Phật sửa lại và dạy rằng chính vị ấy đang thọ hưởng hạnh phúc Niết-bàn.

Chú thích

1. Thánh nhơn - *Ariya*, người đã xa lìa, tách ra khỏi những dục vọng. Sơ khởi, *Ariya* là một danh từ thuộc về nhơn chủng. Trong Phật giáo, danh từ này dùng để chỉ hạng người cao quý nhất là chư Phật và chư vị A-La-Hán.



Bạc thiện trí tự kiểm soát lấy mình

5. *Udakaṃ hi nayanti nettikā - usukārā namayanti tejanaṃ. Dāruṃ namayanti tacchakā - attānaṃ damayanti paṇḍitā.*

5. Người dẫn thủy nhập điền đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên uốn nắn mũi tên cho ngay thẳng. Thợ mộc uốn gỗ. Bạc thiện trí tự kiểm soát lấy mình. 80.

Tích chuyện

Một cậu bé bảy tuổi xuất gia Sa-di. Ngày kia, theo thầy trì bình, cậu để ý thấy những người nông dân dẫn thủy nhập điền, những người thợ chuốt tên, những người thợ mộc đang hành nghề và nêu lên nhiều câu hỏi cho ông thầy. Vị Sa-di bảy tuổi ấy tự nghĩ: "Những vật vô tri vô giác như nước, như gỗ còn có thể uốn nắn và kiểm soát được, tại sao ta lại không thể kiểm soát được cái tâm của ta?". Nghĩ vậy, ông rút vào tịnh thất, chuyên chú hành thiền và đắc quả A-La-Hán trong lúc chỉ có bảy tuổi.



Như tảng đá vững chắc không thể lay chuyển, người thiện trí không xao động giữa những lời tán dương và khiển trách

6. *Selo yathā ekaghamo - vātena na samīrati. Evañ nindāpasamsāsu - na samiñjanti paṇḍitā.*

6. Như tảng đá vững chắc không lay chuyển trước gió, dường thế ấy, bậc thiện trí không bị lời tán dương hay khiển trách làm chao động. 81.

Tích chuyện

Vài thầy Sa-di không biết nên theo phá khuấy một vị A-La-Hán khả kính vì thân hình Ngài nhỏ bé. Khi được biết vị Thánh Tăng không chút xao động, Đức Phật dạy rằng chư vị A-La-Hán giữ mình luôn luôn bình thản trước những lời tán dương hay khiển trách.



Người trí được an tịnh

7. *Yathāpi rahado gambhīro -vipprasanno anāvilo. Evañ dhammāni sutvāna - vipasīdanti paṇḍitā.*

7. Như nước trong hồ sâu, yên lặng và trong suốt, dường thế ấy, khi nghe Pháp (tâm của) người thiện trí vô cùng an tịnh. 82.

Tích chuyện

Một thiếu nữ về nhà chồng không được bên chồng chấp thuận vì không có cửa hồi môn (theo tập tục thời bấy giờ ở Ấn Độ). Mẹ cô đã dâng tất cả sự nghiệp đến chư Tăng. Người thiếu nữ bị hắt hủi, đâm ra thất vọng và nguyện rửa Chư sư. Đức Phật thuyết Pháp cho cô nghe và tâm cô trở nên an tịnh.



Người thiện trí không bông bột cũng không nản chí

8. *Sabbattha ve sappurisā cajanti - na kāmakāmā lapayanti santo. Sukhena phutṭhā atha vā dukhena - na uccāvacam paṇḍitā dassayanti.*

8. Người tốt dứt bỏ tất cả. Bậc Thành nhơn không nhắc đến ái dục. Dầu hạnh phúc hay đau khổ, bậc thiện trí không bông bột cũng không để tinh thần suy sụp. 83.

Tích chuyện

Theo lời mời của một vị Bà-La-Môn, Đức Phật và các môn đệ Ngài an cư kiết hạ tại *Veranjā*. Mặc dầu lắm lúc bị bỏ lửng, không được chăm sóc đến, vì vị thí chủ Bà-La-Môn lãng quên, không có ai vì đó mà buồn ý. Đến khi trở về *Sāvatti*, các Ngài được hộ độ châu đáo nhưng cũng không vì đó mà tỏ ra thỏa thích quá độ. Đức Phật lưu ý rằng người thiện trí không bao giờ bông bột, cũng không để tinh thần suy sụp.

Chú thích

1. Dứt bỏ tất cả - Ngũ uẩn v.v... xem câu 203.



Không nên tìm thành công bằng những phương tiện bất chánh

9. *Na attahetu na parassa hetu - na puttamicche na dhanam na rattham. Na iccheyya adhammena samiddhim attano - sa sīlavā paññavā dhammiko siyā.*

9. Không vì mình, cũng không vì kẻ khác (mà người thiện trí hành động lâm lạc). Không ham muốn con cái, sự nghiệp, hay ngai vàng (bằng hành động lâm lạc): Không tìm thành công bằng phương tiện bất chánh. Con người như thế quả thật đạo hạnh, thiện trí và có chánh hạnh. 84.

Tích chuyện

Một người có phẩm hạnh chơn chánh muốn từ bỏ đời sống trần tục để xuất gia theo Phật. Mặc dầu mỗi lần thảo luận với vợ đều bị bà vợ bàn ra, ngày kia ông thọ lễ xuất gia và sớm thành đạt đạo quả A-La-Hán. Sau đó vợ và con ông cũng lần hồi gia nhập vào Giáo hội và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật nhơn cơ hội, nói lên những lời ca tụng trên.



Ít người qua đến bên kia

10. Appakā te manussesu - ye janā pāragāmino. Athāyaṃ itarā pajā - tīramev'ānudhāvati.

10. Giữa đám người, có rất ít vượt qua đến bờ bên kia, số còn lại chỉ quay quần xuôi ngược ở bờ bên này¹. 85.



Người thực hành giáo pháp vượt qua bên kia

11. Ye ca kho sammadakkhāte - dhamme dhammānurvattino. Te janā pāramessanti - maccudheyyaṃ suduttaraṃ.

11. Nhưng, những ai hành đúng lời giáo huấn - đã được trình bày minh bạch - sẽ vượt trùng dương của dục vọng², rất khó qua, để đạt tận bỉ ngạn. 86.

Tích chuyện

Những người có tâm đạo, cùng ở dọc theo một con đường nọ, quyết định để bát cúng dường Chư sư và nghe giảng Giáo Pháp suốt đêm. Nhưng khi đêm về khuya vài người không chịu nổi nên trở về nhà. Vài người khác ở lại nhưng không ngớt ngủ gục. Nghe câu chuyện, Đức Phật giải thích bản chất của người thế gian.

Chú thích

1. Bờ bên này - là thân kiến (*sakkāyadiṭṭhi*, quan kiến sai lạc về thể xác này). Phần đông sanh trở đi trở lại trên thế gian này.
2. Trùng dương của dục vọng - *Maccud-heyya*, tức là kiếp sống trần tục, nơi mà dục vọng chế ngự.



Từ bỏ điều ác phát triển điều thiện tìm hạnh phúc trong cảnh cô đơn người không luyện ái sống an tịnh

12. *Kaṇham dhammaṃ vipphāya - sukkaṃ bhāvētha paṇḍito. Okā anokaṃ āgamma - viveke yattha dūramaṃ.*

13. *Tatrābhiratimiccheyya - hitvā kāme akiñcano. Pariyodapeyya attānaṃ - cittaḷisehi paṇḍito.*

12. 13. Đi từ nhà đến cảnh vô gia cư, người thiện trí phải từ bỏ trạng thái tối tăm¹ và phát triển trạng thái sáng sủa, phải tìm thỏa thích trong hạnh khước từ (Niết-bàn), rất khó được thọ hưởng. Từ bỏ dục lạc, khắc phục chướng ngại², người thiện trí phải tự thanh lọc mọi ô nhiễm trong tâm. 87-88.

14. *Yesaṃ sambodhi yaṅgesu sammā cittaṃ subhāvitāṃ. Ādānapaṭinissagge -anupādāya ye ratā. Khināsavā jutimanto - te loke parinibbutā.*

14. Người có tâm hoàn hảo trong bồ đề phần³, người không luyện ái, thỏa thích trong sự "từ bỏ ái dục"⁴ (tức Niết bàn). Con người không ô nhiễm và sáng ngời rực rỡ ấy đã chứng ngộ Niết-bàn trên chính thế gian này. 89.

Tích chuyện

Năm trăm tăng sĩ đến yết kiến Đức Phật và Ngài khuyên dạy những lời trên.

Chú thích

1. Trạng thái tối tăm - (*kaṇham dhammaṃ*), là mười loại hành động bất thiện, và trạng thái sáng sủa (*sukkaṃ*) là

KINH PHÁP CÚ

mười loại hành động thiện. Xem Chú thích những câu 42 và 43.

2. Các chướng ngại ấy là năm chướng ngại tinh thần (*nīvaraṇa*), ngăn cản con đường giải thoát, gồm: Tham dục (*kāmacchanda*), oán ghét (*vyāpāda*), đã dục hôn trầm (*thīnamiddha*), phóng dật (*uddhacca-kukkucca*), và hoài nghi (*vicikicchā*).

3. Bồ đề phần - Xem Chú thích câu 44.

4. Đó là bốn loại ái dục gồm: ái dục đeo níu theo ngũ trần, tà kiến, giới cấm thủ, tức tin theo những nghi thức cúng dường (sai lạc), và thân kiến, nghĩa là có quan kiến sai lầm về xác thân này.



7. A-LA-HÁN - ARAHANTA ¹ VAGGA



Bậc thoát tục không còn đau khổ

**1. Gataddhino visokassa - vip̐pamuttassa sabbadhi.
Sabbaganthappahīnassa - parilāho na vijjati.**

1. Đối với người đã trải qua suốt cuộc hành trình ², chấm dứt mọi ưu phiền ³, hoàn toàn siêu thoát ⁴, cắt đứt mọi trói buộc ⁵, nhiệt độ (tham ái) không còn nữa ⁶. 90.

Tích chuyện

Đại đức Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) mưu toan sát hại Đức Phật bằng cách xô một tảng đá to từ trên đồi cao xuống, lúc Đức Phật đi ngang qua. May thay, tảng đá va nhằm một tảng khác, bể tách ra, và một mảnh nhỏ chạm vào chon Đức Phật, làm Ngài đau xiết. Vị lương y *Jivika* băng bó vết thương rồi ra đi, nói rằng ông vào thành thăm một bệnh nhon và sẽ trở lại mở chỗ bó ra. Khi ông trở ra thì cửa thành đã đóng nên không đến đúng như đã hẹn. Ông lo sợ cho Đức Phật, vì chỗ bó không mở ra, có thể phải chịu đau thêm. Đức Phật đọc tư tưởng ông, bảo Đại đức Ananda mở băng ra. Sáng hôm sau, ông *Jivika* lật đật chạy lại tịnh thất để thăm Đức Phật. Chừng ấy Ngài mới giải thích thái độ tinh thần của người thoát tục.

Chú thích

1. A-La-Hán - *Arahanta*, là một danh từ có nhiều nghĩa, có thể dịch là "Ứng Cúng", "Không Còn Dục Vọng", hay là người không còn làm điều bất thiện, dầu việc làm ấy không ai có thể biết. Vị A-La-Hán đã thoát ra ngoài vòng sanh tử. Sau khi chết, với danh từ thông thường, ta nói - các Ngài nhập đại Niết-bàn (*parinibbāna*). Cho đến ngày

KINH PHÁP CÚ

đại Niết-bàn, các Ngài không ngừng phục vụ tha nhân bằng cả hai lời, lời dạy và gương lành.

2. Cuộc hành trình - Cuộc hành trình của đời sống trong vòng luân hồi. Chấm dứt cuộc hành trình, tức đắc quả A-La-Hán.

3. Hành giả chấm dứt mọi ưu phiền lúc đắc quả A-Na-Hàm (*Anāgāmi*), từng thánh thứ ba. Đến từng thánh ấy, hành giả đã tận diệt mọi luyến ái đeo níu theo dục vọng và mọi hình thức bất mãn.

4. Hoàn toàn siêu thoát - *sabbadhi*, hoàn toàn tự do, thoát ra khỏi mọi dính mắc đối với thân ngũ uẩn v.v...

5. Có bốn loại trói buộc (*gantha*) là:

a) tham muốn (*abhijjhā*),

b) oán ghét (*vyāpāda*),

c) dễ duôi nương theo nghi thức lễ bái và cúng tế (sai lầm) (*sīlabbataparāmāsa*, giới cấm thủ),

d) cố chấp trong thành kiến, khư khư chấp rằng thành kiến của mình là chơn lý (*idam saccābhinivesa*, kiến thủ).

6. Câu này đề cập đến phẩm hạnh của một vị A-La-Hán. Có hai loại nhiệt độ, tinh thần và vật chất. Lúc còn sống, vị A-La-Hán còn thọ cảm nhiệt độ của thể xác, nhưng không quan tâm đến. Còn sức nóng tinh thần, nhiệt độ của tham vọng hay lửa tham ái, Ngài không còn nữa.



Chư vị A-La-Hán không còn luyến ái

2. Uyyuñjanti satimanto - na nikete ramanti te. Haṃsa va pallāsaṃ hitvā - okamaṃ jahanti te.

2. Người chuyên chú tận lực cố gắng, không luyện ái nơi trú ẩn nào. Tựa như những con thiên nga bay lìa ao hồ, người ấy rời bỏ nhà này sang nhà khác (và ra đi) ¹. 91.

Tích chuyện

Vài vị tăng sĩ hiểu lầm phẩm hạnh của Đại đức Ca-Điếp (*Kassapa*) và bàn tán với nhau rằng Ngài còn luyện ái những thí chủ và họ hàng thân thuộc. Nghe vậy, Đức Phật giải thích rằng Đại đức Ca-Điếp (*Kassapa*) đã cắt đứt mọi luyện ái.

Chú thích

1. Chư vị A-La-Hán đi lang thang, rày đây mai đó, không luyện ái một nơi ở nhứt định nào, bởi vì các Ngài đã hoàn toàn tự do, đã thoát ra khỏi mọi quan niệm về "Ta" và "Của Ta".



Không nên luyện ái vật thực

3. *Yesam sannicayo natthi - ye pariññātabhojanā. Suññato animitto ca - vimakkho yassa gocaro. Ākāse va sakuntānaṃ - gati tesam durannayā.*

3. Những ai không tích trữ ¹, nhiếp tâm chánh niệm khi dùng vật thực ², thành đạt Giải Thoát ³- vốn Hư không và Vô Tướng - như đối tượng của mình. Lộ trình của các vị ấy không khác nào lộ trình của đàn chim bay trên không trung, không thể vẽ lại được. 92.

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khuru cất vật thực để dùng về sau. Đức Phật khuyên thầy không nên làm như vậy và giải thích thêm tác phong chơn chánh của một vị Tỳ-khuru thuần thành.

Chú thích

1. Tích trữ- có hai loại tích trữ là: hoạt động có liên quan đến nghiệp hành, và bốn món cần thiết cho đời sống của

KINH PHÁP CÚ

thầy Tỳ-khưu (tứ vật dụng: thuốc men, chỗ ở, y bát và vật thực).

Loại tích trữ thứ nhất có khuynh hướng kéo dài cuộc hành trình trong vòng luân hồi. Loại thứ nhì, mặc dầu cần thiết, có thể là một trở ngại cho tiến bộ tinh thần.

2. Dứt khoát từ bỏ mọi thèm muốn về vật thực.

3. Giải thoát hay Niết-bàn là thoát ra mọi đau khổ (*vimokka*). Gọi là hư không vì không còn tham, sân, si, không phải vì Niết-bàn là hư vô hay tuyệt diệt. Niết-bàn là một trạng thái siêu thế tích cực, có thật mà ngôn từ tại thế không diễn đạt được. Vô tướng, vì không còn dấu vết của tham, sân, si. Chư vị A-La-Hán chứng nghiệm quả vị Niết-bàn lúc còn ở trong kiếp sống này. Nói rằng sau khi chết một vị A-La-Hán "còn" hay "không còn", "tại" hay "bất tại", đều không đúng, bởi vì Niết-bàn không phải trường tồn vĩnh cửu, cũng không phải hư vô, tuyệt diệt.

Chư vị A-La-Hán chứng nghiệm hạnh phúc Niết-bàn bằng cách thành đạt quả A-La-Hán trong chính kiếp sống hiện tiền.



Người không ô nhiễm sống tự do

4. *Yassāsavā parikkhiṇā - āhāre ca anissito. Suññato animitto ca - vimokkho yassa gocaro. Ākāse a sakuntānaṃ - padaṃ tassa durannayaṃ.*

4. Người tận diệt ô nhiễm, không luyến ái vật thực, thành đạt Giải Thoát - vốn Hư Không và Vô Tướng - như đối tượng của mình. Con đường của vị ấy không khác nào của đàn chim bay trên không trung, không thể vẽ lại. 93.

Tích chuyện

Vì thiện tín đem vật thực dồi dào dâng đến Đại đức *Anuruddha*, nên có vài vị Tỳ-khưu bàn tán rằng Ngài đã dặn dò các thí chủ làm như vậy để tỏ ra mình có nhiều uy tín. Đức Phật lưu ý rằng chính tâm trong sạch bố thí của thiện tín tự nhiên phát sanh chớ không phải do Đại đức *Anuruddha* xúi giục, và Đức Phật thêm rằng người không ô nhiễm không mất thì giờ để nói chuyện về tứ vật dụng, (hay bốn món cần thiết cho đời sống Tỳ-khưu).



Người biết tự chế được tất cả quý mến

5. *Yass'indriyāni samathaṃ gatāni - assā yathā sārathinā sudantā. Pahīnamānassa anāsavassa - devā pi tassa pihayanti tādino.*

5. Người chế ngự lục căn cũng giống như tuấn mã được rèn luyện thuần thục, người đã tiêu trừ ngã mạn và không bị ô nhiễm, người vững chắc như thế, chí đến chư Thiên cũng quý mộ.

94.

Tích chuyện

Sakka, Trời Đế-Thích, cung kính đánh lễ Đại đức *Kaccāyana*. Vài thầy Tỳ-khưu cho rằng Trời Đế-Thích thiên vị. Đức Phật sửa lời các thầy và lưu ý rằng chư vị A-La-Hán như Đại đức *Kaccāyana* đã chế ngự lục căn nên được cả Trời lẫn người kính mộ.



Như đất, chư vị A-La-Hán không chao động

6. *Pathavi samo no virujjhati - indakhil'ūpamo tādī subbato. Rahado va apetakaddamo - saṃsārā na bhavanti tādino.*

6. Như đất, người giữ tâm quân bình và có nếp sống kỷ cương không còn xúc động. Người ấy như trụ đông *Indakhila*¹, như ao hồ phẳng lặng, không bị bùn đất làm nhơ bẩn. Với

người có tâm quân bình như thế ², cuộc đi lang thang bất định của đời sống không còn lặp lại nữa ³. 95.

Tích chuyện

Ngày kia Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) vô tình chạm nhầm vành tai của một tăng sĩ vốn đã có lòng ganh tỵ với Ngài. Vị này đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Khi được đến hỏi, Đại đức Xá-Lợi-Phất không tự bào chữa mà chỉ mô tả lại đời sống khiêm tốn của Ngài từ lúc xuất gia. Thầy Tỳ-khưu nghe xong lấy làm ăn năn hối hận, xin sám hối với Đại đức Xá-Lợi-Phất và Ngài Xá-Lợi-Phất cũng vậy, xin sám hối trở lại, nếu Ngài có làm điều chi lỗi lầm, phạm đến thầy. Nhon đó Đức Phật ca ngợi Đại đức Xá-Lợi-Phất, ví Ngài như đất, im lìm, trầm lặng không hề xao xuyến.

Chú thích

1. *Indakhīla*- là một cây cột vừa vững chắc vừa cao như cây cột của vua Trời Đế-Thích, hoặc là cây trụ chánh ở cổng vào một thị trấn.

Các nhà chú giải ghi nhận rằng *Indakhīla* này là những trụ cột vững chắc, dựng lên bên trong hay bên ngoài các thị trấn cho đẹp mắt. Thông thường, các trụ cột này làm bằng gạch hoặc bằng gỗ, hình bát giác. Những trụ cột này được chôn thật sâu dưới đất, do đó có thành ngữ "vững chắc như *Indakhīla*".

2. *Tāḍi* - là người không còn luyện ái những gì ưa thích, không bắt mãn với điều không ưa, cũng không bám víu điều gì. Giữa tám điều kiện thăng trầm của thế sự - được và thua, tán dương và khiển trách, danh thơm và tiếng xấu, hạnh phúc và đau khổ - một vị A-La-Hán sống hoàn toàn bình thản. Tâm quân bình, không chao động, không biểu

hiện lòng ưa thích hay bất mãn, không hỉ hạ vui cười mà cũng không lo âu sầu muộn.

3. Bởi vì các Ngài không còn sanh sanh tử tử triền miên nữa.



Người trầm tĩnh sống an tịnh

7. *Santam tassa manam hoti - santā vācā ca kamma ca. Sammadāññāvimuttassa - upasantassa tādino.*

7. Tâm trầm tĩnh, ngôn ngữ trầm tĩnh, hành động trầm tĩnh, người ấy, hiểu biết chơn chánh, trọn vẹn siêu thoát ¹, hoàn toàn an tịnh ² và quân bình. 96.

Tích chuyện

Khi lấy cây quạt đánh thức một người học trò, ông thầy nọ lỡ tay chạm nhầm con mắt của trò. Về sau, lúc đóng cửa, ông thầy ấy lại vô tình làm kẹt tay trò kia một lần nữa. Nhưng người học trò không tỏ ý buồn phiền sự vô ý của thầy mình. Đức Phật ngợi khen người học trò biết tự kiềm chế.

Chú thích

1. Siêu thoát - không còn vướng chút ô nhiễm.
2. An tịnh - vì tâm Ngài đã hoàn toàn thanh tịnh.



Người không nghe dạ là cao quý

8. *Assaddho akataññū ca - sandhicchedo ca yo naro. Hatāvakāso vantāso - sa ve uttamaporiso.*

8. Người không nghe dạ ¹, thấu triệt trạng thái Vô sanh ² (Niết-bàn), cắt đứt mọi hệ lụy ³, chấm dứt mọi cơ hội ⁴ (cho điều thiện và điều ác phát sanh), tận diệt ⁵ mọi tham ái ⁶, người ấy quả thật là tối thượng. 97.

Tích chuyện

Đức Phật nêu ra nhiều câu hỏi cho Đại đức Xá-Lợi-Phất có liên quan đến đức tin. Đại đức Xá-Lợi-Phất giải đáp rằng vì đã chứng ngộ các đạo và các quả, Ngài không còn hành động theo niềm tin suông nơi Đức Phật. Các vị Tỳ-khưu khác nghe vị đại đệ tử chối niềm tin nơi Đức Phật thì không hoan hỉ. Bấy giờ Đức Phật mới giải thích rằng Đại đức Xá-Lợi-Phất không đáng bị khiển trách bởi vì Ngài đặt niềm tin nơi sự chứng ngộ bản thân chứ không còn nương nhờ nơi người khác.

Chú thích

1. Nhẹ dạ - theo đúng văn tự, danh từ *assaddho* có nghĩa là không trung thành. Vị A-La-Hán không chấp nhận suông những nguồn hiểu biết khác vì chính các Ngài đã tự chứng ngộ chơn lý.
2. Vô Sanh - *Akatā*, là Niết-bàn. Gọi như vậy vì không có ai tạo ra Niết-bàn. *Akataññū* cũng có thể được dịch là vô ơn.
3. Hệ lụy - những dây nối liền trong kiếp nhơn sanh. *Sandhicchedo* cũng có nghĩa là người phá nhà, tức một tên trộm.
4. Châm dứt cơ hội - *Hata + avakāso* là người đã tiêu trừ cơ hội.
5. *Vanta + āso*, người ăn đồ ổi mưa, là một định nghĩa khác của danh từ này.
6. Tận diệt mọi tham ái - bằng bốn Thánh Đạo. Những hình thức thô kịch của tham ái được chế ngự trong ba tầng

Thánh đầu tiên. Hình thức vi tế, trong từng thánh cuối cùng.



Tịnh lạc thay, nơi nào có A-La-Hán trú ngụ

9. *Gāme vā yadī vāraññe - ninne vā yadī vā thale. Yattha arahanto viharanti - tam bhūmiṃ rāmaṇeyyakam.*

9. Dầu ở trong làng mạc hay rừng sâu, ở non cao hay trũng thấp¹, bất luận nơi nào A-La-Hán trú ngụ, nơi ấy quả thật tịnh lạc. 98.

Tích chuyện

Revata, em út của Đại đức Xá-Lợi-Phất, từ bỏ đời sống trần tục và sớm thành đạt đạo quả A-La-Hán. Ngài rất thỏa thích sống đơn độc trong rừng sâu. Ngày kia, nhân dịp thỉnh Đức Phật và chư vị đệ tử Ngài về nhà trai tăng bà *Visākhā* hỏi thăm về khu rừng mà Đại đức *Revata* đang trú ngụ trong ấy. Bấy giờ Đức Phật mới đề cập đến tánh cách hấp dẫn của những khu rừng có một vị A-La-Hán đang trú ngụ.

Chú thích

1. Trũng thấp- *Ninna* và *thala*, đúng văn tự, là những lớp thấp và những đất cao.



Người không dục vọng thỏa thích trong rừng sâu

10. *Ramaṇiyāni araṇṇāni - yattha na ramatī jano. Vitarāgā ramissanti - na te kāmāgavesino.*

10. Quả thật tịnh lạc, chốn rừng sâu mà người trần tục không thích ở. Người không dục vọng¹ sẽ thỏa thích an trú (ở nơi ấy), vì các Ngài không tìm dục lạc. 99.

Tích chuyện

Vị tăng sĩ nọ đang hành thiền trong vườn chơi. Một cô gái giang hồ cũng có hẹn hò trong khu vườn ấy, nhưng bạn không đến. Đi qua đi lại chờ người hẹn mãi mà không thấy, cô gặp nhà sư đang ngồi một mình, lại gần trêu ghẹo. Dùng thiên nhãn thấy vậy, Đức Phật xuất hiện trước mặt vị Tỳ-khưu và giải thích về tánh cách hấp dẫn của khu rừng trong ấy người không dục vọng trú ngụ.

Chú thích

1. Người không dục vọng - Chư vị A-La-Hán, đã dứt bỏ dục vọng, thích ở nơi vắng vẻ ẩn dật, trong rừng sâu, nơi mà người trần tục không thích ở.



8. NGÀN - SAHASSA VAGGA



Một lời hữu ích hơn hằng ngàn tiếng nói vô dụng

1. *Sahassamapi ce vācā - anattapadasaṃhitā. Ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo - yaṃ sutvā upasammati.*

1. Chỉ một lời hữu ích, làm cho người nghe an tịnh, còn quý hơn cả ngàn tiếng nói vô dụng. 100.

Tích chuyện

Tên sát nhơn khát máu nọ gia nhập vào một đảng cướp và gây nhiều tội ác.

Về sau, tên cướp ấy trở thành viên đao phủ của triều đình. Nhờ Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) cảm hóa, tánh tình anh đổi hẳn từ hung tàn bạo ngược trở nên hiền lành lương thiện và, sau khi chết, tái sanh vào nhân cảnh. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ anh tái sanh tốt đẹp là nhờ những lời khuyên hữu hiệu, đơm nhuần từ bi bác ái của một người có tinh thần đạo đức cao thượng như Đại đức Xá-Lợi-Phất.



Một câu hữu ích hơn ngàn câu vô dụng

2. *Sahassamapi ce gāthā - anattapadasaṃhitā. Ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo - yaṃ sutvā upasammati.*

2. Chỉ một câu hữu ích, làm cho người nghe an tịnh, còn hơn cả ngàn câu gồm toàn những tiếng vô dụng. 101.

Tích chuyện

Người kia đi biển, thuyền bị đắm, cố gắng nhọc nhằn lắm mới lội được vào bờ. Không còn quần áo, ông lấy vỏ cây che đỡ thân mình. Dân làng thấy ông ăn mặc như vậy

tướng lâm ông là một vị A-La-Hán. Nhận định sự điên cuồng ấy, ông đã yết kiến Đức Phật và được Đức Phật cảm hóa bằng những lời dạy hữu ích, đầy trí tuệ.



Một lời của giáo pháp bằng cả trăm câu vô dụng tự khắc phục lấy mình là chinh phục cao thượng

3. *Yo ce gāthasatam bhāse - anattapadasaṃhitam. Ekaṃ dhammapadam seyyo - yaṃ sutvā upasammati.*

3. Nếu phải đọc cả trăm câu gồm toàn những tiếng vô ích, tốt hơn, chỉ nói một lời của Giáo Pháp, làm cho người nghe được an tịnh.

102.

4. *Yo saḥassaṃ saḥassena - saṅgāme mānuse jine. Ekaṃca jeyyaṃ attānaṃ - sa ve saṅgāmaj'uttamo.*

4. Dầu chinh phục hàng triệu¹ người ở chiến trường, tuy nhiên, quả thật vậy, chinh phục được chính mình là chiến thắng cao quý nhất.

103.

Tích chuyện

Một thiếu phụ giàu có đem lòng thương và về làm vợ một tướng cướp. Về sau, tên cướp, chồng bà, đưa bà đến một đỉnh núi cao, bên bờ vực thẳm, mưu toan cướp giết tất cả nữ trang của bà rồi xô bà luôn xuống hố sâu. Hết lời van lơn nhưng vô hiệu quả, cuối cùng bà xin tên cướp để cho bà lay một lần chót, rồi, đứng về phía sau tên cướp, bà lừa thế đẩy anh chàng xuống hố. Về sau bà xuất gia Tỳ-khưu ni và, sau khi gặp Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*), được nghe Pháp, đắc quả A-La-Hán. Các vị Tỳ-khưu thảo luận với nhau không hiểu được tại sao bà đã đánh lừa xô chết một tên cướp và chỉ nghe vài lời của Giáo Pháp mà đắc được đạo quả A-La-Hán.

Lúc bấy giờ Đức Phật giải thích về hiệu năng của lời "Chơn Lý" và tầm quan trọng của sự tự khắc phục.

Chú thích

1. Hằng triệu - *Sahassam sahasseṇa*, một ngàn nhơn với một ngàn tức một *lakh* (theo bản chú giải). Ta gọi là một triệu.



Hãy tự mình chiến thắng lấy mình hơn là thắng kẻ khác không ai có thể thắng người đã tự thắng mình

5. *Attā have jitaṃ seyyo - yā cāyaṃ itarā pajā. Attadantassa posassa - niccaṃ saññatacārino.*

6. *Neva devo na gandhabbo - na māro saha brahmunā. Jitaṃ apajitaṃ kayirā - tathārūpassa jantuno.*

5.6. Tự thắng¹ mình quả thật thập phần vẻ vang hơn chiến thắng kẻ khác. Dầu Trời, Gandhabba², Ma Vương³, hay Phạm Thiên⁴, không ai có thể đánh bại con người đã tự khắc phục và sống tự chế.

104-105.

Tích chuyện

Một người chuyên nghề cờ bạc đến hỏi Đức Phật vì sao anh thua, Đức Phật giải đáp và hỏi anh sanh sống thế nào. Sau khi anh đáp rằng anh sống bằng nghề cờ bạc mà kết cuộc có lúc ăn lúc thua, Đức Phật giải thích rằng chiến thắng thật sự là tự thắng mình.

Chú thích

1. Minh - *Atta* - Đức Phật thường dùng danh từ này trong nghĩa thông dụng là ta, hay cái tâm, chứ không phải trong nghĩa linh hồn, xem như một đơn vị trường tồn, không biến đổi, hay tự ngã.

2. *Gandhabba* - Càn-Thác-Bà, một hạng chúng sanh được xem là nhạc công ở một cảnh Trời.

3. Ma Vương - *Māra*, ở đây chỉ một hạng chúng sanh ở cảnh Trời.

4. Phạm Thiên - *Brahmā*, là một hạng chúng sanh khác, cao hơn các vị ở cảnh Trời Dục. Những vị này đã có phát triển thiền (*jhāna*).



Tôn kính bậc Ứng Cúng trong giây lát quý hơn lâu dài và liên tục sùng bái người không xứng đáng

7. *Māse māse sahasena - yo yajetha sataṃ samaṃ. Ekañca bhāvit'attānaṃ - muhuttamapi pūjaye. Sā yeva pūjanā seyyo - yañce vassasataṃ hutaṃ.*

7. Dầu có thể cúng dường từ tháng này sang tháng kia, liên tục cả trăm năm, nếu chỉ trong giây lát, tôn kính bậc (Thánh Nhơn) đã tự làm cho mình trở nên toàn thiện - sự tôn kính ấy quả thật quý hơn cúng tế trong cả thế kỷ. **106.**

Tích chuyện

Cậu của Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) mỗi tháng tiêu nhiều tiền để cúng dường những đạo sĩ lỏa thể với ước vọng được tái sanh vào cảnh Trời. Đại đức Xá-Lợi-Phất đem ông đến gặp Đức Phật và ông được Đức Phật hướng dẫn vào con đường chơn chánh.



Tế thần lửa trong một thế kỷ không bằng tôn kính bậc hoàn toàn trong sạch trong giây lát

8. *Yo ca vassasataṃ jantu - aggim paricare vane. Ekañca bhāvit'attānaṃ - muhuttamapi pūjaye. Sā yeva pūjanā seyyo - yañce vassasataṃ hutaṃ.*

8. Dầu người kia có thể đốt lửa (thiêng) trong rừng trọn một thế kỷ, nhưng, nếu chỉ trong giây lát, người ấy tôn kính bậc (Thánh Nhơn) đã tự làm cho mình trở nên toàn thiện - sự tôn kính ấy quả thật quý hơn thờ lửa cả trăm năm. **107.**

Tích chuyện

Theo lời thầy dạy, cháu của Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) có thói quen mỗi tháng giết thú và đốt lửa rừng tế thần để cầu mong được tái sinh vào cảnh Trời. Ngài Xá-Lợi-Phất đem cháu đến hầu Phật và Đức Phật chỉ dạy, hướng dẫn người cháu về con đường chơn chánh.



Tôn kính bậc hoàn toàn trong sạch quý hơn giết thú tế thần

9. *Yaṃ kiñci iṭṭham va hutam va loke - samvaccharaṃ yajetha puññapekko. Sabbampi tam na catubhāgmeti - abhivādanā ujjugatesu seyyo.*

9. Trên thế gian này, bất luận lễ vật¹ hay vật thực nào mà ta có thể cúng dường trong một năm để tạo phước, tất cả những vật ấy không bằng một phần tư sự đánh lễ bậc Chánh Hạnh² cao thượng. **108.**

Tích chuyện

Một người bạn của Đại đức Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) hằng năm tiêu phí rất nhiều tiền để giết thú tế thần. Đức Phật thuyết phục ông ta trở về lối cúng dường chơn chánh.

Chú thích

1. Lễ vật - theo bản chú giải, *iṭṭham* là cái gì người ta dâng tặng trong các dịp lễ, và *hutam* cái gì người ta sắm sửa để dâng tặng cho khách hoặc dâng tặng với niềm tin sẽ được gặt hái quả trong dòng nghiệp.

Ý nghĩa của câu kệ này là đánh lễ một vị Thánh thập phần quý hơn là cúng dường lễ vật hoặc vật thực đến người phàm tục.

2. Bậc Chánh Hạnh - là những vị đã đắc các quả Thánh.



**Phước báu thay, ai biết tôn kính những
bậc đáng kính**

10. *Abhivādanasīlissa - niccaṃ vaddhāpacāyino. Cattāro dhammā vaḍḍhanti - āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ.*

10. Với ai quen một lòng kính nể và tôn trọng các bậc trưởng thượng, bốn phước báu sẽ tăng trưởng: Tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc và sức khỏe. **109.**

Tích chuyện

Nghe rằng con mình phải chết yểu, người cha vâng theo lời Đức Phật, thỉnh chư Tăng về nhà đọc kinh liên tục trong bảy ngày bảy đêm. Ngày cuối cùng, chính Đức Phật bỏn thân đến. Do oai lực từ bi của Đức Bổn Sư, đứa bé thoát khỏi nạn, tăng thêm tuổi thọ. Khi các vị đệ tử thảo luận để tìm hiểu tại sao đứa bé đáng lẽ phải chết yểu lại có thể tăng thêm tuổi thọ nhờ oai lực từ bi của Đức Phật, Đức Phật giải thích về phước báu tăng trưởng của người tôn kính bậc đáng tôn kính.



**Sống ngắn ngủi mà đạo đức quý hơn sống lâu mà
buông lung**

11. *Yo ca vassasatam jīve - dussilo asamāhito. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo - sīlavantassa jhāyino.*

11. Nếu phải sống đến trăm năm cuộc đời buông lung và không tự chế, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống đạo hạnh và có hành thiền. **110.**

Tích chuyện

Vài thầy Tỳ-khưu xuất gia lúc tuổi đã cao, muốn rút vào rừng hành thiền. Đức Phật nhìn thấy mối hiểm nguy, khuyên các ông nên mời theo một vị Sa-di nhỏ tuổi, tên *Sankicca*, đã đắc quả A-La-Hán. Một đám cướp hay biết có người ở trong khu rừng, đến báo các thầy phải chọn

một để chúng bắt đi. Từ già đến trẻ, tất cả đều tình nguyện hy sinh để cứu mạng những vị khác, nhưng rốt cuộc chính ông Sa-di nhỏ tuổi nhất được chấp thuận. Các tên cướp dẫn Ngài về sào huyệt và chuẩn bị sẵn sàng hành quyết. Vị Sa-di ngồi lại, yên lặng nhập đại định¹. Tên đầu đảng rút gươm, chém hai lần, nhưng cả hai lần đều thất bại. Chúng kinh hồn hoảng sợ, quỳ xuống đánh lễ Ngài, nghe Ngài giảng Giáo Pháp và xin xuất gia. Vị Sa-di làm lễ xuất gia cho mấy tên cướp xong, an toàn trở về tìm các thầy Tỳ-khuru kia, còn đang tiếp tục hành thiền trong rừng. Kể đó Ngài về thuật lại đầu đuôi câu chuyện với Đức Phật. Nhon đó Đức Phật giải thích về giá trị của đời sống đạo hạnh.

Chú thích

1. Đại định - *Nirodha-samāpatti*, là một trạng thái khi luồng tâm tạm thời ngưng, không tiếp tục trôi chảy nữa. Trong trạng thái ấy, hành giả - vốn là bậc Thánh Nhơn - không thể bị lâm nguy.

Mạng yếu mà trí tuệ quý hơn thọ mà si mê

12. *Yo ca vassasatam jīve - duppañño asamāhito. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo - paññavantassa jhāyino.*

12. Nếu phải sống đến trăm tuổi cuộc đời không trí tuệ và không tự chế, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống của người thiện và có hành thiền. **111.**

Tích chuyện

Một vị Tỳ-khuru đã đắc quả A-La-Hán trong rừng, đi về viếng Đức Phật. Trên đường về, sau cả ngày đi mỏi mệt, Ngài ngồi trên một tảng đá bằng phẳng và nhập định. Cùng đêm ấy, có vài tên cướp vào làng hành nghề xong cũng leo lên tảng đá và, trong bóng tối, thấy vị sư ngồi,

ngõ gốc cây khô, treo những đồ đạc đã cướp được lên đầu Ngài, rồi nằm xuống đá ngủ. Đến sáng sớm thức dậy, chúng mới hay mình lầm, xin sám hối và xin xuất gia luôn, kể đó thầy trò cùng nhau kéo về thăm Đức Phật. Nghe câu chuyện Đức Phật ca ngợi đời sống trí tuệ.



**Sống ngắn ngủi mà tinh cần quý hơn sống lâu mà
giải đãi**

13. *Yo ca vassasatam jīve - kusilo hinavīriyo. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo - viriyamārabhato dāhaṃ.*

13. Nếu phải sống trăm tuổi cuộc đời giải đãi và bất động, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày của người tinh tấn chuyên cần. 112.

Tích chuyện

Một thanh niên có danh thơm tiếng tốt xuất gia sống đời Tỳ-khưu với niềm tin vững chắc. Nhưng về sau, bị thất vọng, thầy toan tự sát. Trước tiên thầy bắt rắn độc cho cắn mình, nhưng rắn không cắn. Kế đó lấy dao cạo tự cắt lấy cuống họng. Lúc cắt xong thầy suy niệm về đời sống toàn thiện, tận lực cố gắng tham thiền và đắc quả A-La-Hán trước khi nhắm mắt. Các vị khác lấy làm ngạc nhiên bạch hỏi Đức Phật làm cách nào, một người đang tự sát, trong một khoảnh khắc, có thể đắc quả A-La-Hán. Đức Phật giải thích và tán dương đức hạnh tinh tấn chuyên cần.



**Đời sống suy tư, đâu có ngắn ngủi, còn hơn sống lâu
mà không suy gẫm**

14. *Yo ca vassasatam jīve - apassaṃ udayabbayaṃ. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo - passato udayabbayaṃ.*

14. Nếu phải sống trăm tuổi mà không thông suốt tất cả sự vật phải phát sanh và tiêu diệt như thế nào, thì tốt hơn, quả

thật vậy, chỉ sống một ngày mà thấu triệt pháp sanh diệt của vạn vật.

113.

Tích chuyện

Bà *Paṭācārā* mất chồng, hai con, cha, mẹ, và người anh, duy nhứt trong một trường hợp rất thâm thảm. Nhờ Đức Phật khuyên giải, bà bớt âu sầu và xin xuất gia Tỳ-khưu ni. Ngày kia, trong khi rửa chân bên bờ suối, bà ghi nhận rằng những giọt nước từ chân bà rơi xuống gieo điểm trên dòng nước chảy rồi tan đi. Điểm thì tan gần, điểm tan xa có điểm trôi đi xa hơn nữa mới tan. Cảnh tượng ấy gợi ý cho bà suy niệm về lý vô thường của đời sống mà chính bản thân bà đã kinh nghiệm. Đức Phật dùng thiên nhãn thấy, xuất hiện trước mặt bà và dạy những lời trên. Sau đó không lâu, bà đắc quả A-La-Hán..

Chú thích

1. Sự phát sanh và tiêu diệt của tâm và vật chất - danh và sắc - là lý vô thường của tất cả các vật hữu lậu, tùy thế, những vật phát sanh tùy thuộc một hay những nguyên nhân nào. Một đệ tử của Đức Phật phải suy niệm về bản chất vô thường biến đổi của đời sống và, nhờ vậy, sẽ không luyến ái những khoái lạc tạm bợ và huyền ảo của thế gian vật chất.



Sống một ngày mà chứng ngộ trạng thái bất diệt quý hơn sống cả thế kỷ mà không chứng

15. *Yo ca vassasatam jīve - apassam amataṃ padam. Ekāhaṃ jīvitāṃ seyyo - passato amataṃ padam.*

15. Nếu sống cả trăm năm mà không chứng ngộ Trạng Thái Bất Diệt¹ thì, tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống của người đã chứng.

114.

Tích chuyện

Một thiếu phụ trẻ tuổi mất đứa con duy nhứt của bà. Vì trong đời chưa gặp trường hợp có đứa trẻ chết như thế bao giờ nên không ngờ, bà ôm con vào lòng, chạy đi tìm phương cứu chữa. Gặp người sáng suốt chỉ dẫn, bà đưa con đến Đức Phật cầu cứu và Đức Phật khuyên bà nên tìm cho Ngài một ít hột cải trong nhà nào chưa từng có người chết. Hột cải thì bà tìm được, nhưng không gặp nhà nào chưa từng có người chết. Ánh sáng chơn lý bùng phát sanh đến bà. Khi trở về, A-La-Hán giảng Giáo Pháp cho bà. Bà xuất gia Tỳ-khưu ni. Ngày kia, khi nhìn một ngọn nến cháy chập chờn bà suy niệm về lý vô thường của đời sống. Đức Phật xuất hiện trước mặt bà và đọc câu kệ trên, ví đời sống như ngọn nến chập chờn trước gió.

Chú thích

1. Trạng Thái Bất Diệt- *Amataṃ padam*, là trạng thái vô lậu, bất tùy thế (tức không tùy thuộc nguyên nhân nào để có) của Niết-bàn, không sanh, không già, không chết.



Một ngày nhận thấy giáo pháp quý hơn cả thế kỷ không thấy

16. *Yo ca vassasataṃ jīve - apassaṃ dhammamuttamaṃ. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo - passato dhammamuttamaṃ.*

16. Nếu phải sống cả trăm tuổi mà không thấy chơn lý tối thượng¹, thì tốt hơn, quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời sống của người đã thấy. **115.**

Tích chuyện

Một thiếu phụ khá giả có đông con, đủ trai đủ gái. Theo lời yêu cầu của các con - và chúng hứa sẽ cung phụng bà đầy đủ - bà phân phối hết tài sản cho chúng. Nhưng về sau

những đứa con bất hiếu ấy lãng quên, không chăm sóc bà. Bà hết sức thất vọng và xuất gia Tỳ-khưu ni. Bà chuyên cần suy niệm về Giáo Pháp. Đức Phật giảng cho bà tầm quan trọng của Giáo Pháp và đắc quả A-La-Hán.

Chú thích

1. Chon Lý Tối Thượng - là chín trạng thái siêu thế, tức bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn.



9. ÁC - PĀPA VAGGA



Hãy gấp rút làm việc thiện dập tắt điều ác

1. Abhittharetha kalyāṇe - pāpā cittaṃ nivāraye. Dandhaṃ hi karoto puññaṃ - pāpasmim̐ ramatī mano.

1. Hãy gấp rút làm việc thiện ¹. hãy chế ngự điều ác trong tâm ², vì tâm của người dễ dôi, chậm tạo thiện nghiệp ³, sẽ ưa thích làm việc ác. 116.

Tích chuyện

Hai vợ chồng người kia chỉ có mỗi một cái quần và hai người chia nhau mặc một cái áo. Lúc vợ mặc áo thì chồng không mặc. Lúc chồng mặc thì vợ không. Ngày kia người chồng mặc áo đi nghe Đức Phật thuyết Pháp và lấy làm thỏa thích, phát tâm muốn dâng cái áo duy nhất của hai vợ chồng anh, nhưng lúc ấy anh bị tâm luyến ái chế ngự. Suốt đêm ấy anh chiến đấu chống lại tánh vị kỷ của mình. Cuối cùng anh reo lên: "Ta đã thắng, ta đã thắng", và chạy đem dâng cái áo. Câu chuyện đến tai vua. Vua khen ngợi và ban thưởng anh xứng đáng.

Chú thích

1. Không nên hờn dỗi khi làm việc lành. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm điều thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc trường cửu của ta. Cũng nên vận dụng mọi cố gắng để thanh lọc tâm, mỗi khi nó ve vãn gần điều ác. Tâm ô nhiễm sẽ thỏa thích trong tư tưởng xấu.

2. Ác - *pāpa*, là cái gì làm cho tâm nhiễm ô. Là cái gì dẫn ta đến trạng thái khổ cực. Danh từ "tội lỗi" không dịch

đúng nghĩa Phạm ngữ *pāpa* vì Phật giáo không đặt vấn đề thưởng phạt. Hành động nào bắt nguồn từ ba căn tham ái (*rāga*), sân hận (*dosa*), và si mê (*moha*) là ác. Có mười loại hành động ác là: sát sanh, trộm cắp, tà dâm (thực hiện bằng thân), nói dối, nói đâm thọc, nói thô lỗ cộc cằn, nói nhảm nhí (thực hiện bằng khẩu) và tham lam, sân hận, tà kiến (thực hiện bằng ý).

3. Thiện (ngiệp), hay phước báu - *puñña*, là cái gì thanh lọc tâm. *Kusala* là một danh từ đồng nghĩa với *puñña*. Có mười loại hành động tạo phước báu. Xem Chú thích những câu 42, 43.



Không nên lặp đi lặp lại điều ác

2. *Pāpaṃ ce puriso kayirā - na naṃ kayirā punappunaṃ. Na tamhi chandaṃ kayirātha - dukkho pāpassa uccayo.*

2. Nếu người kia làm điều ác, người ấy không nên lặp đi lặp lại, không nên thỏa thích trong việc ác: tích ác tức thọ khổ.
117.

Tích chuyện

Một thầy Tỷ-khưu thường lặp đi lặp lại một hành động sai lạc. Đức Phật quả rầy thầy và đọc câu kệ trên.



Hãy lặp đi lặp lại điều thiện

3. *Puññaṃ ce puriso kayirā - kayirā naṃ punappunaṃ. Tamhi chandaṃ kayirātha - sukho puññassa uccayo.*

3. Nếu người kia làm một việc tạo phước báu, người ấy phải lặp đi lặp lại, phải tìm thỏa thích trong điều thiện ấy: tích trữ nghiệp lành là hạnh phúc.
118.

Tích chuyện

Một bà tín nữ tuy nghèo nhưng giàu tâm đạo, cúng dường vật thực đến một vị A-La-Hán. Bị rắn cắn, bà chết và tái sanh vào cảnh Trời. Từ nhân cảnh ấy, vị Trời - trước kia là bà tín nữ nghèo - trở xuống lau dọn tịnh thất cho vị A-La-Hán để tăng trưởng thêm phước báu, nhưng vị A-La-Hán ngăn cản, không cho. Bà buồn. Đức Phật thấy vậy khuyên dạy bà như trên.



**Do quả trố, sẽ biết hành động ác, do quả trố,
sẽ biết hành động thiện**

4. *Pāpo pi passati bhadram - yāva pāpaṃ na paccati. Yādā ca paccati pāpaṃ - atha pāpo pāpāni passati.*

5. *Bhadro pi passati pāpaṃ - yāva bhadram na paccati. Yādā ca paccati bhadram - atha bhadro bhadrāni passati.*

4. Người làm ác có thể gặp lành, ngày nào mà quả dữ chưa trố. Nhưng, khi quả trố, chừng ấy họ mới thấy hậu quả tai hại.¹ **119.**

5. Người hành thiện có thể gặp dữ, ngày nào mà quả lành chưa trố. Nhưng, khi quả trố, chừng ấy người hành thiện sẽ gặt quả phúc.² **120.**

Tích chuyện

Ông Cấp Cô Độc (*Anāthapindika*) phát tâm bố thí rất trong sạch để hộ độ tăng chúng, tiêu xài hết phần lớn gia sản của ông. Bị chỉ trích là phung phí tiền của nhưng ông không màng biết đến lời chỉ trích, cứ tiếp tục cúng dường để phát triển tăng sự. Đức Phật ngợi khen hạnh bố thí của ông và khuyên dạy các lời trên về hậu quả của những hành động tốt và xấu.

Chú thích

1. Một người xấu xa hư hèn có thể sống dồi dào phong phú nhờ hành động tốt trong quá khứ. Người ấy đang thọ hưởng hạnh phúc nhờ tiềm năng của nghiệp lành trong quá khứ mạnh hơn, đang thắng thế, và đàn áp nghiệp ác hiện tại. Do đó lắm lúc ta thấy hình như có sự bất công trên thế gian - người ác được may mắn. Nhưng một khi mà quả dữ hội đủ duyên kỳ để trở sanh, theo định luật nghiệp báo dĩ nhiên phải có, chừng ấy người làm ác sẽ gặp quả khổ đau do hành động bất thiện của mình trong quá khứ.

2. Cũng nhiều khi người đạo đức hiền lương lại gặp phải hoạn nạn khốn cùng vì tiềm năng của nghiệp ác trong quá khứ mạnh hơn, thắng thế, và đàn áp nghiệp lành hiện tại. Người ấy chỉ rõ biết được hiệu năng là hành động thiện của mình khi mà, đúng lúc, nó sẽ trở quả và đem lại hạnh phúc dồi dào.

Chính sự kiện có việc trái ngược trong đời - người xấu xa hư hèn được dồi dào phong phú còn người đạo đức hiền lương lại phải gặp hoạn nạn khốn cùng - là một biện minh vững chắc cho niềm tin nơi nghiệp báo và tái sanh.



Không nên xem thường điều ác

**6. Māppamaññetha¹ pāpassa - na mañ tam āgamissati.
Udabindunipātena - udakumbho pi pūrāti. Bālo pūrāti
pāpassa - thokathokampi ācinam.**

6. Không nên khinh thường điều ác, nói rằng "Nó sẽ không đến gần ta"². Từng giọt nhỏ rơi xuống, lâu ngày cũng làm đầy cái bình. Dường thế ấy, người cuồng dại góp nhặt mỗi lần chút ít điều ác, (ngày kia) sẽ bị cái ác thấm nhuần trọn vẹn.

121.

Tích chuyện

Vị Tỳ-khưu nọ không lưu tâm đến một lỗi lầm nhỏ mà thầy thường hay phạm đến. Mặc dầu các bạn đồng môn nhiều lần khuyên giải, thầy vẫn một mực bỏ lửng, không để ý. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật, trước mặt Đức Phật thầy cũng nói rằng ta không nên quá quan tâm đến những lỗi lầm nhỏ mọn như thế. Đức Phật khuyên dạy thầy không nên xem thường lỗi lầm, dầu nhỏ nhen thế nào.

Chú thích

1. *Māppamannetha* trong nhiều bản.
2. Vì không đến gần, nó sẽ không gây tai hại cho ta.



Không nên xem thường điều thiện

7. *Māvamaññetha¹ puññassa - na maṃ taṃ āgamissati. Udaḃindunipātena - udakumbho pi purāti. Dhiro purāti puññassa - thokathokampi ācinaṃ.*

7. Không nên xem thường phước báu, nói rằng "Nó sẽ không đến gần ta" ². Từng giọt nhỏ rơi xuống, lâu ngày cũng làm đầy cái bình. Dường thế ấy, người thiện trí góp nhặt mỗi lần chút ít điều thiện, (ngày kia) sẽ trọn vẹn thâm nhuần. 122.

Tích chuyện

Được biết rằng Đức Phật thuyết Pháp mỗi khi thọ trai xong, một người thiện trí nọ đi khắp làng của mình, cõ động cho mọi người cúng dường vật thực đến Đức Phật và chúng Tăng, kể ít người nhiều, tùy phương tiện. Khi đến nhà một trưởng giả, nhã ý của ông bị hiểu lầm, và ông trưởng giả chỉ đóng góp một phần rất nhỏ. Đến lúc mọi việc đã hoàn tất tốt đẹp, người thiện trí hợp tất cả lại để tỏ lòng tri ơn. Ông trưởng giả cũng đến dự, nhưng với ý định sẽ giết người trí tuệ nếu vị này có lời khinh rẻ vì ông

không đóng góp đúng theo sức. Tuy nhiên, người thiện trí vẫn cảm ơn đồng đều tất cả mọi người và cầu chúc mọi người được hưởng phước báu dồi dào. Ông trưởng giả ăn năn và xin sám hối.

Nghe câu chuyện, Đức Phật giảng về giá trị của hành động thiện, dầu chỉ là điều thiện nhỏ.

Chú thích

1. Trong nhiều bản, chép là *Māppamannetha*.
2. Vì không đến gần, nó không đem phước báu đến ta.



Hãy tránh điều ác như ta lánh xa một con đường nguy hiểm

8. *Vāṇijo va bhayaṃ maggaṃ - appasattho mahaddhano. Visaṃ jīvitukāmo va - pāpāni parivajjaye.*

8. Như người đi buôn - mang theo nhiều tiền của mà ít bạn đồng hành - tránh con đường nguy hiểm, như người muốn sống tránh thuốc độc, cùng thể ấy, ta phải lánh xa điều ác.
123.

Tích chuyện

Một người lái buôn nhập đoàn cùng đi với nhiều vị Tỷ-khuru. Trong lúc ấy vài tướng cướp muốn giật tiền của anh mà không được. Lúc về, các vị Tỷ-khuru bạch lại với Đức Phật về cố gắng bất thành của các tên cướp. Nhon đó Đức Phật khuyên dạy câu kệ trên.



Người không có ý định xấu sẽ không tạo nghiệp ác

9. *Paṇṇimhi ce vaṇo nāssa - hareyya pāninā visaṃ. Nābbaṇaṃ visamanveti - natthi pāpaṃ akubbato.*

9. Nếu tay không mang thương tích, ta có thể cầm thuốc độc. Chất độc không làm nguy hại người không có vết trầy. Điều ác không làm nguy hại người không làm lỗi ¹. 124.

Tích chuyện

Cô gái một nhà khá giả kia - vốn đã đắc quả Tu-Đà-Hườn - đem lòng thương một người thợ săn, do sự kết hợp xa xôi trong tiền kiếp, và theo chồng. Hai vợ chồng có đông con. Bà vợ, mặc dầu Nhập Lưu, hằng ngày thường mang cung tên đưa cho chồng đi săn. Trong nhóm các vị Tỳ-khưu, có sự thắc mắc không biết hành động như vậy bà có tạo nghiệp ác không. Đức Phật giải thích rằng vì bà không có ý định làm ác mà chỉ vâng lệnh chồng nên không tạo nghiệp ác, cũng như cầm thuốc độc mà tay không trầy trụa thì chất độc không ngấm vào người, do đó vô hại.

Chú thích

1. Không làm lỗi - tức người không có ý định ác.



Ai gây tổn hại cho người vô tội sẽ chịu sâu muện

10. *Yo appaduṭṭhassa narassa dussati - suddhassa posassa añāṅganassa. Tameva bālaṃ pacceti pāpaṃ - sukhumo rajo paṭivātaṃ va khiṭṭo.*

10. Kẻ nào xâm phạm người ôn hòa, trong sạch, và vô tội, quả dữ sẽ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy, như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay trở vào mắt. 125.

Tích chuyện

Người thợ săn kia vào rừng với bầy chó. Trên đường đi, anh gặp một tăng sĩ. Trọn suốt buổi anh không săn được gì. Lúc trở về, anh gặp lại vị tăng sĩ. Nghĩ rằng vì gặp nhà sư nên không săn được thịt, anh nổi giận xua chó vồ vị tăng sĩ vô tội. Vị Tỳ-khưu hoảng sợ, trèo lên cây thoát thân. Tên thợ săn chưa đã nư giận, bắn một mũi tên trúng

vào gót chân nhà sư. Nhà sư bị quá đau, loanh quanh làm rơi cái y xuống, trèo lên mình tên thợ săn. Đoàn chó dữ thấy có người lúng túng trong cái y, ngỡ rằng vị tăng sĩ từ trên cây đã rơi xuống, áp lại cắn tên thợ săn đến chết. Vị Tỳ-khưu thoát nạn trở về hầu Phật và thắc mắc không biết hành động như vậy thầy có tạo ác nghiệp hay không. Đức Phật rọi sáng cho thầy và mô tả hậu quả xấu càng tăng trưởng thêm của kẻ nhẫn tâm gây tổn hại cho người ôn hòa, vô tội.



Tái sanh tùy thuộc nơi hành động

11. *Gabbhameke uppajjanti - nirayaṃ pāpakammino. Saggam sugatino yanti - parinibbanti anāsavā.*

11. Vài người tái sanh vào bào thai ¹, người hành ác (sanh) vào khổ cảnh ², người phẩm hạnh tốt vào nhàn cảnh ³. Bậc Không Ô Nhiễm ⁴ nhập diệt vào Niết-bàn. 126.

Tích chuyện

Vị Tỳ-khưu nọ thường đến nhà một người chuyên làm nghề mài kim cương, và bà vợ người này sắm sửa vật thực đề cúng dường. Ngày kia, trong lúc chủ nhà đi vào trong, một con chim từ phía sau đáp xuống và, trước mắt thầy Tỳ-khưu, nuốt mất một hòn kim cương. Chủ nhà trở ra, thấy mất một viên ngọc, cất hỏi vị tăng sĩ. Thầy xác nhận mình không có lấy. Nhưng chủ nhà không tin, đánh đập thầy một cách tàn nhẫn. Máu chảy đọng vũng dưới đất. Con chim thấy máu, bay trở xuống để uống. Trong cơn giận dữ tên chủ nhà đá con chim văng ra chết. Lúc ấy vị Tỳ-khưu mới thuật lại tự sự. Chủ nhà mổ bụng chim, tìm ra viên ngọc và xin sám hối. Khi vị Tỳ-khưu trở về hầu Phật, bạch lại đầu đuôi câu chuyện, Đức Phật dạy rằng

chính hành động quyết định cho sự tái sanh. Hành động hiện tại quyết định cuộc tái sanh trong tương lai.

Chú thích

1. Theo Phật giáo có bốn lối tái sanh là:

a) Noãn sanh (*aṇḍaja*) sanh từ trứng, b) Bào sanh (*jalābuja*), sanh từ bào thai, c) Thấp sanh (*samsedaja*), sanh từ chỗ ẩm thấp, và d) Hóa sanh (*opapātika*), đột nhiên sanh ra.

Tất cả chúng sanh đều sanh ra theo một trong bốn lối ấy.

2. Khổ cảnh - *Niraya*, *Ni* là không có. *Aya* là hạnh phúc. *Niraya* là cảnh giới trong đó không có hạnh phúc, là cảnh khổ mà một chúng sanh phải chịu vì đã tạo nghiệp ác, hay nói cách khác, là trạng thái đau khổ mà chúng sanh phải chịu để trả quả bất thiện đã tạo lúc nào trong quá khứ. Khổ cảnh không phải là địa ngục trường cửu mà chúng sanh bị bắt buộc phải ở trong đó để chịu hành phạt đau khổ một cách vĩnh viễn. Đến lúc trả xong nghiệp xấu, kẻ bất hạnh cũng có thể tái sanh vào một cảnh giới khác, an vui hạnh phúc, nhờ các thiện nghiệp đã tạo.

3. Nhân cảnh - *Sagga*, *su + agga*, đầy hạnh phúc. Trong Dục giới (*Kāmaloka*) cảnh người và sáu cảnh Trời dục được xem là cảnh giới hạnh phúc. Chúng sanh ở trong cảnh giới này cũng không trường tồn vĩnh cửu.

4. Bạc Không Ô Nhiễm - chư vị A-La-Hán, sau khi chết không còn tái sanh nữa mà nhập Niết-bàn.



Không ai tránh được hậu quả của nghiệp ác đã tạo

**12. Na antalikkhe na samuddhamajjhe - na pabbatānaṃ
vivaraṃ pavissa. Na vijjati so jagatippadeso - yatthaṭṭhito
mucceyya pāpakammā.**

**12. Không phải trên trời, giữa biển hay trong hang núi mà
người tạo nghiệp ác có thể tìm được nơi nào trên thế gian
này để lẩn trốn (hậu quả) của hành động bất thiện. 127.**

Tích chuyện

Ba nhóm Tỳ-khuru đến yết kiến Đức Phật. Trên đường đi, nhóm thứ nhất thấy một con quạ đang bay bị thiêu đốt đến chết. Nhóm thứ nhì thấy một thiếu phụ bị chết đuối giữa đại dương, còn nhóm thứ ba thì thấy bảy vị Tỳ-khuru bị nhốt trong hang đá bảy ngày. Tất cả các vị ấy đều xin Đức Phật giải thích. Đức Phật giải rằng trong một tiền kiếp, con quạ làm anh nông dân hung bạo, thiêu đốt đến chết một con bò lười biếng, thiếu phụ trấn nước một con chó và bảy vị Tỳ-khuru làm kẻ chăn bò, cột con kỳ đà trên một ổ kiền trong bảy ngày. Đức Phật thêm rằng không ai tránh được hậu quả của nghiệp ác đã tạo.

Chú thích

Theo đúng giáo lý của Đức Phật, không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ, hoặc gian lận bằng cách nào mà ta thay đổi được định luật nhân quả, cũng không thể lẩn trốn nơi nào trên thế gian, dầu trên trời rộng mênh mông, giữa đại dương sâu thẳm, hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta tránh khỏi hậu quả của nghiệp ác đã tạo. Không có vị Trời nào, chí đến Đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào sự báo ứng của nghiệp.



Không thể khắc phục cái chết

**13. *Na antaḷikkhe na samuddamajjhe - na pabbatānaṃ
vivaraṃ pavissa. Na vijjati so jagatippadeso - yatthaṭṭhitam
nappasaheyya maccu.***

**13. Không phải trên trời, giữa biển, hay trong hang sâu núi
thẳm, mà có thể tìm được nơi nào trên thế gian này để tránh
khỏi tử thần. 128.**

Tích chuyện

Vua *Suppabuddha*, cha của công chúa Da-Du-Đà-La (*Yasodharā*), tức giận Đức Phật vì Ngài bỏ con gái của vua ra đi, nên không ngừng quấy rối Đức Phật. Đức Phật tiên đoán rằng nhà vua sẽ chết một cách thê thảm. Vua *Suppabuddha* cố tránh, nhưng sau cùng phải chịu một cái chết vô cùng ghê gớm.



10. GÂY GỘC, HAY HÌNH PHẠT - *DANḬA VAGGA*



Không nên sát hại

1. *Sabbe tasanti danḁassa - sabbe bhāyanti maccuno. Attānaṃ upamaṃ katvā - na haneyya na ghātaye.*

1. Ai cũng run sợ trước gây gộc. Tất cả đều sợ chết. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cho người khác giết ¹. **129.**

Tích chuyện

Vì một vụ khiêu khích, nhóm "sáu vị Tỳ-khuru" tấn công nhóm khác "mười sáu vị", Đức Phật hay được câu chuyện, cho ban hành giới luật có liên quan đến việc hành hung kẻ khác và dạy câu kệ trên:

Chú thích

Na haneyya na ghātaye = na pahareyya na paharāpeyya
(Bản chú giải)



Tất cả đều quý trọng đời sống

2. *Sabbe tasanti danḁassa - sabbesaṃ jivitaṃ piyaṃ. Attānaṃ upamaṃ katvā - na haneyya na ghātaye.*

2. Ai cũng run sợ trước gây gộc. Tất cả đều quý trọng đời sống. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cho người khác giết. **130.**

Tích chuyện

Trong cuộc tranh chấp giữa một "nhóm Tỳ-khuru sáu người" và "nhóm khác mười sáu vị", nhóm sau có cử chỉ đe dọa. Đức Phật dạy không nên xâm phạm đến người khác.



Không nên hành hạ

3. *Sukhakāmāni bhūtāni - yo daṇḍena vihiṃsati. Attano sukhamesāno - pecca so na labhate sukhaṃ.*

3. Kẻ tìm hạnh phúc cho mình bằng cách hành hạ chúng sanh khác - cũng ưa thích an lạc - kẻ ấy sẽ không được hạnh phúc. **131.**



Không nên gây tổn hại

4. *Sukhakāmāni bhūtāni - yo daṇḍena na vihiṃsati. Attano sukhamesāno - pecca so labhate sukhaṃ.*

4. Người nào tìm hạnh phúc cho mình mà không dùng gây gộc hành hạ chúng sanh khác - cũng ưa thích an lạc - người ấy sẽ được hạnh phúc. **132.**

Tích chuyện

Đức Phật thấy đám trẻ con dùng gậy đánh đập một con rắn. Ngài khuyên dứt chúng nó.



Không nói lời thô lỗ

5. *Māvoca pharusaṃ kañci - vuttā paṭivadeyyu taṃ. Dukkhaṃ hi sārambhakathā - paṭidaṇḍā phuseyyu taṃ.*

5. Không nên dùng lời cộc cằn thô lỗ. Người bị nói cộc sẽ trả lời thô. Những lời gây thù trả oán quả thật là đau đớn. Lời qua tiếng lại sẽ làm tổn hại như gây thương tích. **133.**



Hãy giữ im lặng

6. *Sace neresi attānaṃ - kaṃso upahato yathā. Esa patto'si nibbānaṃ - sārambho te na vijjati.*

6. Nếu giữ được im lặng như cái mỏ bể, con đã đắc quả Niết-bàn¹: Con không có tâm báo oán. **134.**

Tích chuyện

Vài vị Tỳ-khưu thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán và giảng dạy về sự lợi ích của người biết giữ im lặng trước những lời lăng mạ của kẻ khác.

Chú thích

1. Người hành đúng theo lời thực tiễn này, dầu còn tại thế, cũng được xem như đã đắc quả Niết-bàn.



Không ai tránh được cảnh già, chết

7. Yathā danḍena gopālo - gāvo pāceti gocaramī. Evañ jarā ca maccū ca - āyurā pājenti pāṇinam.

1. Như người chăn bò dùng gậy lừa từng con ra đồng. Đường thế ấy, tuổi già và cái chết lừa đời sống của từng chúng sanh đi ra¹. 135.

Tích chuyện

Trong nhà bà *Visākhā*, các thiếu phụ lớn nhỏ, đủ trang tuổi, đều thọ bát quan trọng ngày giới. Khi được hỏi vì lý do gì, mỗi người giải thích phẩm hạnh đạo đức của mình theo một lối. Nghe xong quan điểm của từng người Đức Phật giảng về bản chất vô thường biến đổi của đời sống.

Chú thích

1. Trong câu kệ này, người chăn bò giống như tuổi già và sự chết. Bò như đời sống. Và đồng cỏ như cái chết, phía bên kia đời sống.



Người hành ác bị quả dữ thiêu đốt

8. Atha pāpāni kammāni - karam bālo na bujjhati. Sehi kammehi dummedho - aggidaḍḍho va tappati.

8. Vậy, khi người cuồng đại hành động lầm lạc, họ không nhận thức (bản chất ác của những hành động ấy). Người khờ khạo bị dày xéo, như bị lửa thiêu đốt, do hành động của chính mình. 136.

Tích chuyện

Đại đức A-La-Hán Mục-Kiên-Liên (*Moggallāna*) thấy một ngựa quý có hình con trăn. Đức Phật dạy rằng đó là hành động ác trong quá khứ.



Kẻ xâm phạm người vô tội đi đến sáu muợn

9. *Yo daṇḍena adaṇḍesu - appaḍuṭṭhesu dussati.*

Dasannamaññataraṃ tñānaṃ khippameva nigacchati.

9. Kẻ dùng gậy gộc hại người vô hại và ¹ không gây gộc, kẻ ấy sớm phải chịu những cảnh sau đây. 137.

10. *Vedanaṃ pharusam jāniṃ - sarirassa ca bhedanam.*

Garukam vā pi ābādham cittakkhepaṃ va pāpuṇe.

11. *Rājato vā upassaggaṃ - abbhakkhānañca dāruṇam.*

Parikkhayaṃ va ñātinaṃ - bhogaṇam va pabhaṅguraṃ.

12. *Atha vāssa agārāni aggi dahati pāvako. Kāyassa bhedaḍḍappañño - nirayaṃ so' papajjati.*

10, 11, 12. Đau đớn nhức nhối vô cùng ², tai biến khốc liệt, mình mẩy bị thương tích, hay lâm trọng bệnh, hay loạn tâm mất trí, hay bị vua đàn áp, hay bị kết trọng tội, hay ly tán thân quyến, hay bị tiêu diệt tài sản ³, hay bị lửa thiêu nhà cửa - khi thể xác này hoại diệt, con người thiện trí như thế sẽ tái sanh vào khổ cảnh. 138-140.

Tích chuyện

Vì một nghiệp xấu đã tạo trong tiền kiếp, Đại đức A-La-Hán Mục-Kiên-Liên (*Moggallāna*) bị bọn cướp đánh đập đến chết. Về sau những tên cướp này bị vua bắt thiêu sống.

Chú thích

1. Những người vô hại và không gây gộc - là chư vị A-La-Hán vô tội và không có khí giới.
2. Đau đớn nhức nhối - có thể làm chết được.
3. Tài sản bị tiêu diệt - như buôn bán lỗ lã, mất tiền của, v.v...



Lối sống ép xác không làm con người trở nên trong sạch

13. Na naggacariyā na jaṭā na pañkā - nānāsakā thaṇḍilasāyikā vā. Rājō ca jallam ukkuṭikappadhānam - sodhenti maccam avitṭṇakapañkham.

13. Không phải bằng cách lỏa thể đi lang thang ¹, hay thắt bính không gột đầu ², hay bôi bùn dơ vào mình ³, hay tuyệt thực ⁴, cũng không phải nằm dưới đất ⁵, để bụi cát lấm lem ⁶, để tro dính đầy người ⁷, hay cố gắng ngồi xồm ⁸, mà có thể thanh lọc được con người chưa nhiếp phục hoài nghi ⁹. 141.

Tích chuyện

Thấy một vị Tỳ-khưu có nhiều y, Đức Phật quở rầy. Thầy giận, bỏ hết, chỉ mặc y nội. Đức Phật thuật lại câu chuyện tương tự đã xảy ra trong tiền kiếp của thầy và giảng dạy về sự vô ích của các lỗi tu khổ hạnh.

Chú thích

1. Đến ngày nay, ở Ấn Độ vẫn còn tồn tại nhiều hình thức khổ hạnh. Lốp dơ dáy bên ngoài được vài người xem là dấu hiệu của bậc Thánh Nhơn. Đức Phật không chấp nhận hình thức khổ hạnh khắt khe chỉ nhằm vào bề ngoài. Các Hội viên của Giáo hội những người sống độc thân mà Ngài sáng lập đi theo một con đường ở khoảng giữa Trung đạo - tránh hai cực đoan, một là khổ hạnh và đảng khác là

lợi dưỡng. Giản dị, khiêm tốn, và tự ý nghèo là những đặc tánh chánh yếu của chư vị Tỳ-khuru, ngang hàng với lối sống sạch sẽ.

2. Có người xem đầu tóc thất bính, không bao giờ gội, là dấu hiệu của bậc thánh.

3. Những người không bao giờ súc miệng đánh răng, và bôi bùn vào mình cho dơ.

4. Chỉ nhịn đói suông không thể làm cho con người trở nên trong sạch. Các thầy Tỳ-khuru cũng nhịn ăn mỗi ngày, từ đúng Ngọ đến sáng sớm hôm sau.

5. Nằm dưới đất, không nằm giường. Các vị Tỳ-khuru cũng không nằm giường đẹp, giường cao.

6. Cát bụi lắm lem - vì không tắm rửa.

7. Hiện nay cũng còn những người lấy tro bôi vào người làm cho mình mẩy dơ dáy

8. Cố gắng ngồi xồm - Đi cũng vậy, không đứng xồm người mà chỉ ngồi chồm hồm rồi nhảy nhẩy để di chuyển, cũng không nằm ngồi như người thường.

9. Hoài nghi - Không có niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng.



Hình dáng bề ngoài không biến đổi người phạm ra thánh

14. *Alaṅkato ce pi samam careyya - santo danto niyato brahmacārī. Sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍam - so brāhmaṇo so samaṇo sa bhikkhu.*

14. Dầu ăn mặc lộng lẩy, nếu người kia sống an tịnh, chế ngự dục vọng, nhiếp phục lục căn, (thánh đạo) vững chắc¹, hoàn toàn thanh tịnh², không dùng gậy gộc đối xử với bất luận chúng sanh nào³, người ấy quả thật là một Bà-La-Môn⁴, một Sa-môn⁵, một Tỳ-khuru⁶.

142.

Tích chuyện

Một ông quan đại thần thấy người vũ nữ của mình té chết trong lúc đang vũ. Ông rất âu sầu, đến hầu Phật và được nghe Đức Phật giảng Giáo Pháp. Sau khi nghe xong ông đắc quả A-La-Hán và nhập diệt luôn, mặc dầu lúc ấy ông ăn mặc rất sang trọng. Các thầy Tỳ-khưu bạch hỏi Đức Phật có nên gọi vị ấy là Sa-môn không. Để trả lời, Đức Phật dạy rằng đặc tánh thánh không tùy thuộc ở hình dáng bề ngoài⁷.

Chú thích

1. *Niyata* - Bốn thánh đạo là Tu-Đà-Huàn (*Sotāpatī*, Nhập Lưu), Tư-Đà-Hàm (*Sakadāgāmi*, Nhứt Lai), A-Na-Hàm (*Anāgāmi*, Bất Lai) và A-La-Hán (*Arahatta*, Ứng Cúng).
2. Bà Rhys Davids: "Bước vào Thượng Đế", một câu rất lầm lạc, hoàn toàn xa lạ với tinh thần Phật giáo. Chú thích của bản chú giải là *setthacariya*, phẩm hạnh tối thượng.
3. Tuyệt đối ôn hòa, không gây tổn hại bất luận chúng sanh nào.
4. Bà-La-Môn - vì đã thanh lọc mọi nhiễm ô.
5. Sa-môn - vì không còn chút bợn nhơ nào trong tâm.
6. Tỳ-khưu - vì đã tận diệt mọi dục vọng.
7. Một vị đại thần có việc sâu muộn, ăn mặc lộng lẫy, ngồi trên lưng voi nghe Đức Phật giảng Pháp và đắc quả A-La-Hán. Cùng lúc ấy ông cũng chết luôn. Đức Phật khuyên các tín đồ hãy đánh lễ vị ấy theo hàng A-La-Hán. Khi các thầy Tỳ-khưu hỏi làm sao một vị đại thần ăn mặc lộng lẫy như vậy có thể đắc quả A-La-Hán, Đức Phật đọc câu kệ trên, dạy rằng sự trong sạch đến với ta từ bên trong chứ không phải từ ngoài vào. Đối chọi hẳn với câu trước câu

này diễn đạt rõ ràng quan điểm của Phật giáo về đặc tánh thánh. Không phải cái hào nhoáng bề ngoài, mà chính sự thanh tịnh bên trong, là chánh yếu.



Trên thế gian thật hiếm người khiêm tốn

15. *Hirinisedho puriso - koci lokasmim vijjati. Yo nindam apabodheti - asso bhadro kasāmiva.*

15. (Hiếm hoi thay), trên thế gian này, người lấy đức khiêm tốn tự chế để tránh lời khiển trách, giống như tuần mã thuần thực (tránh) roi.¹ 143.



Hãy nghiêm trì giới đức và tiêu trừ đau khổ

16. *Asso yathā bhadro kasāniviṭṭho - ātāpino samvegino bhavātha. Saddhāya sīlena ca viriyena ca - samādhinā dhammavinicchayena ca. Sampannavijjācaraṇa patissatā - jahissatha dukkhamidaṃ anappakhaṃ.*

16. Như tuần mã thuần thực dưới ngọn roi, hãy nhiệt tâm chuyên cần. Do niềm tin, giới đức, tinh tấn, chánh định, do sự quán trạch Chơn Lý, do sự thành đạt tri kiến và đạo hạnh,² và do chánh niệm, hãy tiêu trừ cái đau khổ vĩ đại này. 144.

Tích chuyện

Một thanh niên nghèo khổ, chỉ có một bộ đồ rách và một cái tô bể, treo tất cả tài sản của mình trên cây, rồi đến chùa xin thọ lễ xuất gia. Sau đó nhiều lần anh huờn tục, rồi trở lại Giáo hội. Cuối cùng, nghĩ tới hoàn cảnh khốn cùng mà anh phải chịu nếu còn huờn tục nữa, anh gia công hành thiện và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật dạy những lời trên để giảng về tâm bất mãn của anh trước kia và đức chuyên cần sau này.

Chú thích

1. Khi hay biết tâm mình đang bị một ý nghĩ xấu xa xâm nhập một thầy Tỷ-khuru hay một cư sĩ biết tự trọng, phải cố gắng diệt trừ tức khắc. Câu này có nghĩa, người như thế thật hiếm hoi.

2. Thành đạt tri kiến và đạo hạnh - Minh Hạnh Túc, *Vijjā-carana* - là đầy đủ tám cái Giác, hay Minh, hay tri kiến; và mười lăm cái Hạnh(*carana*).

Tám cái Giác (*Vijjā*) là: a) Thần thông (*Iddhividha*), b) Thiên nhĩ (*Dibba-sota*), c) Tha tâm thông (*Cetopariya ñāna* là tri kiến do đó hiểu rõ tâm của người khác), d) Thiên nhãn (*Dibba-cakkhu*), e) Túc mạng minh (*Pubbe nivāsanussati*, là tri kiến do đó hiểu rõ những tiền kiếp, của mình và của tất cả chúng sanh), f) Lậu tận minh (*Asavakkhaya*, tận diệt các hoặc lậu, hay pháp trầm luân), g) Minh sát tuệ (*Vipassanā*) và h) Hóa tâm minh, (*Manomayiddhi*, tạo những hình ảnh trong tâm người khác).

Mười lăm cái hạnh (*Carana*) là: Thu thúc trong gió lạnh, thu thúc lục căn, ẩm thực tiết độ, giữ tâm luôn luôn giác tỉnh, niềm tin chơn chánh, hỏ thẹn trước điều ác, sợ hãi trước điều ác, nghe nhiều học rộng, tinh tấn, chánh niệm, và bốn từng thiền.



Người tốt tự kiểm soát

17. *Udakaṃ hi nayanti nettikā - usukārā namayanti tejanam. Dāruṃ namayanti tacchakā - attānaṃ damayanti subbatā.*

17. Người dẫn thủy nhập điền đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên uốn nắn mũi tên cho ngay thẳng. Thợ mộc uốn gỗ. Người đức hạnh tự kiểm soát lấy mình¹. 145.

Tích chuyện

Một cậu bé con nhà gia giáo xuất gia, gia nhập Giáo hội. Ngày kia, trong khi đi trì bình, cậu thấy nông dân và thợ nề kiểm soát những vật vô tri vô giác như nước và gỗ. Cảnh tượng ấy gợi ý cho cậu nghĩ đến tiềm năng hùng hậu của con người. Cậu cố gắng tham thiền và đắc quả A-La-Hán. Đức Phật giảng về đức tánh tự kiểm soát lấy mình.

Chú thích

1. Xem Chú thích câu 80.



11. TUỔI GIÀ - *JARĀ VAGGA*



Tìm ánh sáng

1. *Ko nu hāso kimānando - niccam pajjalite sati.*
Andhakārena onaddhā - padīpaṃ na gavesatha.

1. Thích thú vui cười là gì, hoan hỉ khoái lạc là gì, khi mà thế gian không dứt bùng cháy¹? Bị bao trùm trong đêm tối, há không đi tìm ánh sáng?

146.

Tích chuyện

Một hôm, cùng đi với bà *Visākhā*, vị đại thí chủ thời Đức Phật, có vài thiếu phụ không biết, uống rượu say. Trong trạng thái say sưa ấy, các bà múa men và hát xướng kém lễ độ trước Đức Thế Tôn. Dùng năng lực thần thông, Đức Phật tạo cảnh tối tăm bao trùm các bà và đem các bà trở về lý trí. Bấy giờ Đức Phật mới đọc câu kệ trên.

Chú thích

1. Thế gian này bị ngọn lửa tham dục thiêu đốt không ngừng, và luôn luôn bị màn vô minh bao trùm, bùng bít trong cảnh tối tăm. Vậy, còn trong thế gian ấy, người thiện trí phải tận lực cố gắng tìm ánh sáng của trí tuệ.



Thế xác lộng lẫy này quả thật ô trược

2. *Passa cittakataṃ bimbaṃ - arukāyaṃ samussitaṃ.*
Āturaṃ bahusaṅkappaṃ - yassa n'atthi dhuvaṃ thitī.

2. Hãy nhìn cái thế xác đẹp dễ này, một khối đau đớn, một đồng bệnh tật, được người ta bận tâm nhiều, nhưng không chứa đựng gì bền vững, không có gì tồn tại¹.

147.

Tích chuyện

Một nhà sư trẻ tuổi đem lòng thương cô *Sirimā*, một gái giang hồ. Thành linh cô chết. Dầu nhà vua ra lệnh cho dân chúng nhìn thi hài cô, không ai màng liếc mắt đến. Đức Phật chỉ cho các Tỳ-khưu xác chết sinh thúí đáng ghê tởm ấy, và giảng về tánh ô trược của thể xác.

Chú thích

1. Không có gì tồn tại mà còn đẹp đẽ như trước.



Đời sống chấm dứt trong sự chết

3. *Parijñāmidam rūpaṃ - rogaṇīlaṃ paḥaṅguraṃ. Bhijjati pūṭisandeho - maraṇantaṃ hi jīvitaṃ.*

3. Thể xác này hoàn toàn kiệt quệ, một ổ bệnh tật, dễ hoại diệt. Khôi ô trược này sẽ tan rã. Quả thật vậy, đời sống chấm dứt trong sự chết. **148.**

Tích chuyện

Thấy một sư cô run rẩy ngã chết, Đức Phật giảng về bản chất vô thường của đời sống.



Nhìn một đồng xương thì có gì thích thú

4. *Yā'īmāni apatthāni - alāpūn' eva sārade. Kāpotakāni aṭṭhīni - tāni disvāna kā rati.*

4. Những que xương trắng bạc màu chim bồ câu (trắng), giống như trái bầu mà người ta vứt đi trong mùa thu. Thích thú gì mà nhìn nó? **149.**

Tích chuyện

Nhiều vị Tỳ-khưu vào nghĩa địa hành thiền. Trước những thi hài mới chết, có lòng tham ái phát sanh. Đức Phật đọc câu kệ trên để giảng dạy.

Thế xác này gồm thịt và máu

5. *Aṭṭhināṃ nagaraṃ kataṃ - maṃsalohitalepanaṃ. Yattha jarā ca maccu ca - māno makkho ca ohito.*

5. Thành trì (này) dựng lên bằng xương, đắp thịt và máu bên ngoài, trong đó tích trữ bệnh tật, chết chóc, ngã mạn và phi báng. 150:

Tích chuyện

Một thiếu phụ xinh đẹp đã thọ lễ xuất gia Tỳ-khưu ni nhưng thiếu niềm tin. Sợ Đức Phật có lời lẽ không tôn trọng, làm giảm giá trị sắc đẹp nên bà không đến hầu Ngài. Tuy nhiên, một ngày kia, cùng với những người khác, bà đến phòng giảng trong lúc Đức Phật đang thuyết Pháp. Đức Phật làm cho bà thấy một người đàn bà thật đẹp đang đứng quạt Ngài. Rồi Ngài làm cho hình ảnh ấy dần dần biến đổi, phản ánh sự tàn phá của tuổi già và cái chết trên thể xác vô cùng đẹp để một thời nào. Chơn lý bừng sáng trước mắt người thiếu phụ. Lúc bấy giờ Đức Phật đọc câu kệ trên.



Đức hạnh chơn chánh không hư cũ

6. *Jīranti ve rājarathā sucittā - atho sarīrampi jaraṃ upeti. Satañca dhammo na jaraṃ upeti - santo have sabbhi pavedayanti.*

6. Chỉ đến chiếc xe trang hoàng lộng lẫy của hoàng cung cũng cũ hư. Cùng thế ấy, thân này sẽ đến tuổi già. Nhưng Giáo Pháp¹ của bậc Thiện Nhơn² không già cỗi. Do đó, bậc Thiện Nhơn làm sáng tỏ Giáo Pháp giữa những bậc Thiện Nhơn. 151.

Tích chuyện

Hoàng Hậu *Mallikā* là một tín nữ có tâm đạo nhiệt thành. Sau khi bà băng hà, Đức Phật đến viếng hoàng cung và

KINH PHÁP CÚ

vua muốn biết hoàng hậu tái sanh đi đâu. Đức Phật cho vua biết nơi tái sanh của hoàng hậu và, nhìn một chiếc long xa cũ kỹ, Ngài dạy những lời trên.

Chú thích

1. Giáo Pháp - *dhamma*, là chín trạng thái siêu thế: Bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn.
2. Bậc Thiện Nhơn - những vị chư Phật.



Người học ít kém trí tuệ

7. *Appassut'āyaṃ puriso - balivaddo va jīrati. Maṃsāni tassa vaḍḍhanti - paññā tassa na vaḍḍhati.*

7. Con người ít học trưởng thành như bò. Bắp thịt có nở nang, nhưng trí tuệ không phát triển. 152.

Tích chuyện

Một thầy Tỳ-khuru thường ăn nói không nhằm chỗ Đức Phật dạy những lời trên khi đề cập đến thầy.



Ái dục là người xây dựng cái nhà này

8. *Anekajāti saṃsāraṃ - sandhāvissaṃ anibbisāṃ.*

Gahakāraṃ gavesanto - dukkhā jāti punappunāṃ.

8. Xuyên qua nhiều kiếp sống. Như Lai thên thang đi trong vòng luân hồi để tìm, nhưng không gặp, người thợ cất nhà này. Phiền muộn thay, đời sống triền miên tái diễn. 153.

9. *Gahakāraṃ dīṭṭho'si - puna gehaṃ na kāhasi. Sabbā te*

phāsukā bhaggā - gahakūṭaṃ visaṅkhaṭaṃ.

Visaṅkhāragataṃ cittaṃ - taṇhānaṃ khayamajjhagā.

9. Đây hỡi người thợ làm nhà! Người đã bị bắt gặp. Người không còn cất nhà nữa. Tất cả rui mè của người đã gãy. Cây đòn dông của người cũng bị phá tan. Tâm của Như Lai đã thành đạt trạng thái vô lậu. Mọi ái dục đã hoàn toàn chấm dứt. 154.

Tích chuyện

Đức Phật đọc câu kệ này liền sau khi thành đạt Đạo Quả Vô Thượng.

Chú thích

1. Hai câu này, gọi là bài kệ phi lạc (*udāna*) đầu tiên, mà Đức Phật đọc lên liền sau khi chứng ngộ đạo quả Vô Thượng, không thể tìm thấy nơi nào khác. Vì Đại đức *Ānanda* đã nghe hai câu này chính từ miệng Đức Phật đọc lên nên bài kệ được sắp trong kinh Pháp Cú.

Ở đây, Đức Phật xác nhận cuộc đi thên thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy đau khổ, một sự kiện hiển nhiên chứng minh có nhiều kiếp tái sanh. Ngài phải đi bất định, và do đó, phải chịu khổ đau, phải thên thang mãi cho đến ngày tìm ra được người kiến trúc sư đã xây dựng cái nhà này, tức thể xác này. Trong kiếp cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng thiêng, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau dồi từ xa xôi trong quá khứ, trải qua cuộc hành trình bất định, Ngài khám phá ra anh thợ cất nhà hằng mong mỗi muốn biết. Anh thợ này không ở ngoài, mà ở sâu kín bên trong Ngài. Đó là ái dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi người. Ái dục xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt. Tìm ra anh thợ cất nhà tức tận diệt ái dục, trong lúc đắc quả A-La-Hán, mà trong bài kệ này, ý nghĩa bao hàm trong thành ngữ chấm dứt ái dục.

Mè rui, hay cái sườn nhà, của căn nhà tự tạo này là những ô nhiễm như tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tầm, vô úy. Cây đòn dông chịu đựng cái sườn là vô minh, căn nguyên xuất phát của mọi

dục vọng. Phá vỡ cây đòn dông vô minh bằng trí tuệ tức là làm sập căn nhà. Sườn và đòn dông là vật liệu mà anh thợ dùng để cất nhà, cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Vậy, khi hết vật liệu xây cất, tức nhiên anh thợ không còn dựng nhà được nữa.

Khi cái nhà đã bị phá tan tành thì cái tâm, mà trong tích chuyện, không được đề cập đến, đã thành đạt trạng thái vô lậu, vô sanh, bất diệt, là Niết-bàn. Tất cả cái gì còn tại thế đều phải bị bỏ lại phía sau và chỉ có trạng thái siêu thế, Niết-bàn, sẽ tồn tại.



**Người không tiến bộ - vật chất và tinh thần -
sẽ ăn năn hồi hận**

**10. *Acaritvā brahmacariyaṃ - aladdhā yobbane dhanam.
Jiṇṇakoñcā va jhāyanti - khīnamacche va pallale.***

**11. *Acaritvā brahmacariyaṃ - aladdhā yobbane dhanam.
Senti cāpātikhiṇā va - purāṇāni anutthunam.***

10. Người không sống đời Đạo hạnh thiêng liêng, người không thâm thập tài sản lúc thiếu thời, sẽ tàn tạ mỗi mồn như con cò già trong cái ao không cá. 155.

11. Người không sống đời Đạo hạnh thiêng liêng, người không thâm thập tài sản lúc thiếu thời, sẽ nằm dài như cái cung gãy, nhìn dĩ vãng mà than vãn thở dài. 156.

Tích chuyện

Con một nhà triệu phú kết hợp với bạn bè xấu xa hư hỏng, phung phí hết cả tài sản sự nghiệp và trở thành nghèo đói khôn cùng. Đề cập đến số phận bất hạnh của anh, Đức Phật dạy những lời trên.

